

Gồm
BIÊN HÒA

NGUYỄN VĂN THÔNG • NGUYỄN YÊN TRỊ
PHAN ĐÌNH DŨNG • TRƯƠNG VĂN TUẤN

Gốm BIÊN HÒA



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Gồm BIÊN HÒA

Thực hiện:

NGUYỄN VĂN THÔNG



NGUYỄN YÊN TRI



PHAN ĐÌNH DŨNG



TRƯƠNG VĂN TUẤN



LỜI NGỎ

Nghề gốm xuất hiện khá sớm trên vùng đất Biên Hòa xưa – Đồng Nai nay. Những phát hiện khảo cổ, các cuộc khai quật trên địa bàn Đồng Nai đã thu thập nhiều hiện vật về gốm. Hiện vật về gốm tiền sử, sơ sử ở Đồng Nai đa dạng về chủng loại, phong cách, niên đại... được lưu giữ ở nhiều nơi, đặc biệt ở Bảo tàng Đồng Nai. Trong quá trình tụ cư về sau, các lớp di dân từ các nơi khác đến sinh sống tiếp tục phát triển nghề thủ công này, trước hết, với tư cách của một hoạt động kinh tế, đã góp phần làm phong phú sinh kế của cộng đồng. Trong lịch sử phát triển của nghề gốm, một dấu ấn đặc biệt kể từ khi Trường Dạy nghề Biên Hòa được thành lập vào đầu thế kỷ XX. Từ hoạt động thủ công được truyền nghề theo truyền thống gia đình, nghề gốm được đưa vào giảng dạy và đào tạo bài bản. Trải qua những thăng trầm, gốm mỹ nghệ Biên Hòa trở thành thương hiệu độc đáo, vượt ra khỏi phạm vi của quốc gia, tham gia các cuộc triển lãm khu vực và quốc tế. Hiện nay, nghề gốm ở Biên Hòa vẫn đang phát triển trong bối cảnh xã hội có nhiều tác động, ảnh hưởng.

Năm 2005, nhóm tác giả Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Yên Tri, Phan Đình Dũng biên soạn công trình *Gốm Biên Hòa* được Nhà xuất bản Đồng Nai ấn hành. Công trình cung cấp nguồn tư liệu liên quan đến gốm Biên Hòa – Đồng Nai từ thời tiền sử, sơ sử các làng gốm xưa và ngôi trường đem lại dấu ấn đặc biệt cho nghề gốm của Biên Hòa. Đồng thời, công trình giới thiệu những nghệ nhân gắn bó, đóng góp nhiều công sức trong phát triển nghề gốm và kỹ thuật, quy trình chế tác gốm Biên Hòa. Một số lượng lớn hình ảnh về nghề gốm được các tác giả giới thiệu, phản ánh nhiều chiều về nghề và sản phẩm thủ công gốm Biên Hòa.

Trên cơ sở của bản thảo *Gốm Biên Hòa*, chúng tôi thực hiện tái bản để phục vụ cho việc tìm hiểu, nghiên cứu về nghề thủ công và sản phẩm gốm Biên Hòa. Lần tái bản công trình này, chúng tôi bày tỏ lòng tri ân đến hai tác giả đã qua đời: thầy Nguyễn Văn Thông, thầy Nguyễn Yên Tri. Hai thầy đã dày công, tâm huyết trong lần biên soạn nội dung bản thảo lần thứ nhất và hiện nay, đã hòa tuổi đời của mình trong “hoa đất xứ gốm” Biên Hòa. Nhóm tác giả thực hiện tái bản: Phan Đình Dũng, Trương Văn Tuấn khảo sát, biên tập, điều chỉnh, bổ sung nguồn tư liệu những liên quan về gốm Biên Hòa. Trong khả năng tiếp cận tài liệu và khảo sát, nhóm tác giả tham khảo, trích dẫn, sử dụng tài liệu, hình ảnh về gốm Biên Hòa, Đồng Nai của các tác giả từ những bài báo, tham luận, kỷ yếu, sách, luận văn, luận án... đã công bố trên phương tiện truyền thông. Qua đây, chúng tôi bày tỏ lòng biết ơn đến quý tác giả và xin phép sử dụng tư liệu theo quy định khoa học. Xin bày tỏ lòng biết ơn đến quý cá nhân cung cấp nguồn tư liệu trong quá trình chúng tôi thực hiện công việc này: nghệ nhân, người thợ, chủ doanh nghiệp, nhà nghiên cứu, giảng dạy liên quan đến nghề gốm Biên Hòa.

Sách *Gốm Biên Hòa* tái bản với cấu trúc điều chỉnh, biên tập và bổ sung tư liệu, hình ảnh phong phú hơn. Nhóm tác giả xin trân trọng ghi tên hai tác giả qua đời trong khung với lòng thành kính tri ân và bổ sung thành viên tham gia công tác ảnh so với lần xuất bản trước sau thời gian khá dài (2005 - 2025). Hy vọng, công trình này sẽ đem lại những nguồn tư liệu bổ ích, thiết thực dù chưa đầy đủ, toàn diện về nghề thủ công và sản phẩm gốm Biên Hòa, Đồng Nai với mong muốn góp phần nhỏ trong nghiên cứu về lịch sử - văn hóa vùng đất này. Quá trình thực hiện, nhóm tác giả đã cố gắng, nỗ lực song chắc chắn không thể tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp mang tính xây dựng để nhóm tác giả tiếp thu và khi có điều kiện sẽ bổ khuyết sau này.

Trân trọng!

CHƯƠNG I

TRẦM TÍCH GỒM TIỀN SỬ
TRÊN ĐẤT ĐỒNG NAI





1. Dẫn luận

Địa bàn tỉnh Đồng Nai ngày nay là một phần của vùng đất Trấn Biên, Biên Hòa xưa. Sự khởi đầu cho vùng đất này được nhắc đến trong sự kiện lịch sử quan trọng vào năm 1698, khi Chương cơ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vâng theo lệnh của chúa Nguyễn Phúc Chu, thiết lập bộ máy hành chính trên vùng đất phương Nam “... ông lấy đất Nông Nại đặt làm phủ Gia Định, lập đất Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên, lập xứ Sài Côn làm huyện Tân Bình, lập dinh Phiên Trấn...”¹. Trải qua những biến động, thay đổi, tỉnh Đồng Nai hiện nay thuộc khu vực miền Đông Nam Bộ của Việt Nam (Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh). Đồng Nai có diện tích 5.903,940 km² (chiếm tỷ lệ 1,76% diện tích tự nhiên cả nước, 25,5% vùng Đông Nam Bộ). Tọa độ địa lý Đồng Nai từ 10° 30'03 đến 11° 34'57" vĩ độ Bắc và từ 106°45'30 đến 107°35'00 kinh độ Đông. Đồng Nai giáp tỉnh Bình Thuận (phía Đông), tỉnh Lâm Đồng (phía Đông Bắc), tỉnh Bình Dương, Bình Phước (phía Tây Bắc), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (phía Nam), Thành phố Hồ Chí Minh (phía Tây).

Từ cuối thế kỷ XIX đến nay, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đã phát hiện được những di vật liên quan đến cộng đồng cư dân Đồng Nai thời kỳ tiền sử: công cụ lao động, đồ dùng sinh hoạt, trang sức, đồ thờ, nhạc cụ... đa dạng, phong phú và những cấu trúc địa tầng văn hoá trong các di chỉ cư trú, công xưởng, mộ táng... Phức hệ văn hóa khảo cổ Đồng Nai hay Văn hóa Đồng Nai được định danh đối với trung tâm văn minh phát triển trên vùng đất Đồng Nai - Nam Bộ trước khi hình thành các quốc gia sơ khai. Các di chỉ khảo cổ về thời kỳ tiền sử, sơ sử Đồng Nai phân bố ở các dạng địa hình đặc trưng của Đồng Nai: từ vùng rừng núi tiếp giáp cao nguyên đến vùng đứt gãy phun trào đất đỏ bazan và vùng phù sa, các bồn trũng, vùng ngập nước gần sông, biển. Trong số di vật, di chỉ được phát hiện, khai quật có số lượng hiện vật bằng gốm chiếm tỷ lệ cao bên cạnh đồ đá, đồ đồng, đồ sắt và đồ gỗ, thủy tinh.

2. Di vật gốm tiền sử trong di chỉ khảo cổ

Những di chỉ khảo cổ ở Đồng Nai thời tiền sử được phát hiện, khai quật đã thu thập được nhiều hiện vật khá đa dạng về loại hình, chất liệu chế tác. Về chất liệu, đặc trưng của các di chỉ là hiện vật bằng đá, gốm, đồng, sắt, gỗ, thủy tinh...; trong đó, hiện vật gốm chiếm số lượng nhiều, hầu hết bị vỡ do nhiều yếu tố tác động.

¹Trịnh Hoài Đức (2005), *Gia Định thành thông chí* (Lý Việt Dũng dịch, Huỳnh Văn Tới hiệu đính), Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, tr.107.

- Di chỉ Cầu Sắt (xã Bình Lộc, thành phố Long Khánh)

Địa điểm cư trú của cư dân nông nghiệp sớm và nơi chế tác đồ đá và đồ gốm. Đợt khai quật tháng 12/1976, đồ gốm thu thập được hầu hết bị vỡ, gồm 15.786 tiêu bản, trong đó (2.041 mảnh miệng, 206 mảnh đáy, đế và 3.539 mảnh thân); có 2.176 mảnh có hoa văn, 11.363 mảnh trơn. Đợt khai quật vào năm 2021, thu thập 4.735 hiện vật, phần lớn là những mảnh vỡ từ các vật dụng. Nguyên liệu chế tác từ đất sét pha sỏi với tỷ lệ ít. Gốm chế tác bằng tay, bàn xoay, hoa văn trang trí bằng bàn đập, lăn thừng và khắc vạch, lớp áo gốm mịn, màu sắc khác với xương gốm. Có các loại gốm: gốm trắng, gốm đỏ mịn, gốm đen thô, gốm đỏ thô và gốm đen mịn. Một số chậu và nôi (có kích thước lớn, miệng loe, đáy tròn), bát (miệng loe, đế ghép, thấp), chậu/ bát có chân cao, phần trên hình đĩa, chân đế choãi cao; gốm tròn (một số mảnh gốm mài tròn, dùi lỗ ở giữa). Niên đại cách ngày nay 5.000 - 4.000 năm.

- Di chỉ Suối Linh (xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu)

Khu vực được xác định là cư trú và công xưởng sản xuất đồ gốm, được khai quật 3 lần (năm 1985, 2002 và 2019). Đợt khai quật năm 1985 thu được 14.183 mảnh gốm vỡ, 39 chiếc bàn xoay, 1 mảnh gốm tròn, 1 thỏi gốm hình trụ. Đồ gốm thu thập trong đợt khai quật năm 2002 có số số lượng lớn với 75.622 mảnh, 686 bàn xoay, 3 bi gốm, 2 cốc, 2 bùa đeo, 1 mảnh ghè tròn, 1 chuỗi. Đợt khai quật năm 2019 có số đồ gốm gồm 316 mảnh vỡ, 83 bàn xoay. Gốm tại di chỉ có ba loại chính: gốm thô (pha nhiều cát, bã thực vật và vỏ nhuyễn thể nghiền vụn, áo gốm màu nâu đỏ/nâu sẫm, xương gốm màu nâu nhạt, độ nung thấp; gốm mịn (pha cát mịn, màu xám nâu, xám vàng, độ nung cao); gốm xốp (pha bã thực vật, độ nung thấp). Sản phẩm là những vật dụng dạng nôi, vỏ có miệng loe, hông và đáy tròn; một số ít miệng khum, có đế dưới. Hoa văn chủ yếu là văn chải, còn lại là văn thừng, in, đắp nổi, khắc vạch tạo đường song song, lượn sóng, họa tiết tam giác răng cưa xen kẽ, đối xứng, nửa vòng tròn, hàng chấm nhỏ. Đặc biệt, tại di chỉ, thu thập hiện vật bàn xoay gốm nhiều nhất so với các di chỉ đã phát hiện ở Đồng Nai và có chiếc bùa gốm hình răng động vật. Sự phát triển của cư dân tại khu vực này có tính liên tục. Niên đại cách ngày nay khoảng 4.500 - 2.500 năm (khai quật 1985); 3.500 - 2.500 năm (khai quật 2002), 3.500 năm - 3.000 năm (khai quật 2019).

- Di chỉ Hưng Thịnh (xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom)

Địa điểm được người dân phát hiện và các nhà khảo cổ đào thám sát. Đồ gốm phát hiện có hai loại khác nhau về chất liệu. Loại bằng sét mịn, xương mỏng, đều, nhẵn, màu nâu đỏ, nâu hồng và miệng loe (khum hoặc xiên), chân đế thấp dạng hình trụ, hoa văn thừng in dập. Loại bằng sét mịn pha nhiều hạt đá nhỏ màu trắng xám, áo gốm màu nâu nhạt, nâu đỏ, miệng loe khum hình lòng máng, loe khum và xiên, đế thấp hơi choãi, dáng tròn. Niên đại được đoán định thuộc thời kỳ kim khí, vào khoảng 4.000 - 3.500 năm cách ngày nay.



- Di chỉ Phước Tân (phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa)

Khu vực phát hiện nhiều di vật đá, gốm phân bố trên ngọn đồi thấp hữu ngạn sông Lá Buông. Qua phát hiện và điều tra, thám sát từ thập niên 60 đến 70 (thế kỷ XX), tại đây có 615 mảnh gốm và 2 bi gốm (tỷ lệ thấp so với 2.602 hiện vật đá). Gốm có các loại sau: gốm màu đỏ thuần, đỏ nâu hoặc đen, xương màu nâu đen, trộn với một số phụ liệu (sỏi laterit, thạch anh, cát mịn, khoáng chất khác....) và gốm xám vàng. Phần lớn hoa văn chủ yếu là văn in, đường song song và cắt chéo nhau, một số hoa văn khắc vạch tạo những đường gãy khúc, hình tam giác, đường chấm dải, văn thừng và răng sói xuất hiện nhưng rất hiếm. Đồ gốm là những vật dụng: nồi đáy tròn, bát bông, cốc có đế loe, bát tô... Niên đại khoảng 3.500 - 3.000 năm cách ngày nay.

- Cụm di chỉ Hàng Gòn (thành phố Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ)

Tên gọi chung cho các địa điểm khảo cổ phát hiện trên địa bàn thành phố Long Khánh và huyện Cẩm Mỹ. Địa điểm Hàng Gòn 1 (Núi Gốm: đồi đất đỏ bazan giữa suối Râm và suối Sâu) có nhiều mảnh gốm của loại dạng nồi, bát, tô, đĩa (một số bát, tô có đế, có dấu khoan thủng ở đáy, gần miệng). Có hai loại xương gốm: màu đen (đất sét trộn với bã thực vật), màu trắng (đất sét trộn cát thạch anh, sạn sắt...). Hầu hết, gốm mịn, áo gốm màu nâu, đỏ, độ nung cao. Địa điểm Hàng Gòn 3 nhiều mảnh thân gốm mỏng từ các loại nồi, vò và 1 bi gốm. Một số mảnh dạng miệng cốc, bát chân cao đáy bằng và nắp đáy có núm. Xương gốm màu đen, áo màu nâu vàng, hồng và nâu đỏ, độ nung kém. Hoa tiết trang trí là những đường song song, chéo nhau được in hoặc dập. Địa điểm Hàng Gòn 4 (phía bắc chân núi Cẩm Tiêm) có những tiêu bản gốm mỏng, xương đen, xám, đỏ, vàng làm từ sét pha thạch anh. Nhiều mảnh gốm có hoa văn răng lược hoặc đan. Địa điểm Hàng Gòn 5 (cách chân núi Cẩm Tiêm 3,5km về phía bắc) có nhiều mảnh gốm màu. Gốm màu vàng đỏ, xương xám pha nhiều cát từ dạng nồi, vò có miệng với đường gờ đáy nắp. Gốm màu đen pha thạch anh, độ nung cao chủ yếu là các đồ đựng nhỏ, trang trí văn thừng, văn đan và dấu in vải. Gốm xương màu xám pha cát mịn, dáng nồi nhỏ hay lọ có miệng xiên, độ nung cao. Đồ gốm tại đây được chế tác bằng bàn xoay. Niên đại cách ngày nay khoảng 3.000 năm.

- Di chỉ Cái Vạn (xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch)

Di chỉ được đào thám sát năm 1977, khai quật lần thứ nhất năm 1978 và lần thứ 2 năm 1996. Đợt khai quật năm 1978 có hơn 1.000 mảnh gốm, làm từ đất sét pha cát, hạt thạch anh và bã thực vật. Có hai nhóm gốm: gốm mịn (xương màu xám đen, xám hồng, lớp áo mịn màu xám đen, xám vàng; gốm xốp chiếm tỷ lệ ít, mảnh thường dày, thô, xương gốm màu đen, nhiều bã thực vật). Đa số các mảnh miệng gốm là kiểu bình có miệng loe nhiều kiểu. Chân đế có 3 loại: đế thấp, đế hình chóp và đế hình trụ cao hơi choãi. Khoảng 30% mảnh gốm có hoa văn, được tạo bằng cách chải, dập thừng, chấm dải và khắc vạch (những

hình tam giác nối nhau, hình sóng...). Phần lớn các mảnh gốm bị vỡ từ những loại đồ dùng và một số mảnh chân kiềng, bi gốm. Đợt khai quật năm thu thập được trên 17.854 hiện vật, gồm: 1 dọi xe chỉ, 70 bi gốm, 32 núm và bàn xoa gốm (núm nhọn với mặt cắt ngang hình tròn, bàn xoa có chuôi cầm gần thẳng hoặc cong, mặt phẳng hoặc hơi lượn cong), 736 mảnh cà ràng, 22 mảnh tròn được ghè hoặc mài tròn, và 15.953 mảnh gốm vỡ. Chất liệu gốm bằng đất sét phù sa sông pha nhiều cát, bã thực vật và bột vỏ nhuyễn thể. Có hai nhóm gốm: gốm cứng chiếm tỉ lệ cao và gốm xốp. Hoa văn gốm khá phong phú như văn chải (văn chải thô và mịn) thường dùng que có rãnh tạo thành; văn thừng thường kết hợp với văn chải; văn khắc vạch và in ấn thường được tạo với các kỹ thuật chải, đập, miết. Những mô típ hoa văn như hình mũi giáo (răng sói), đường sóng nước, đường vạch chìm song song. Một số lượng lớn tiêu bản gốm được bao phủ nhiều màu có tính chất trang trí. Niên đại di chỉ Cái Vạn được xác định cách ngày nay 3.360 ± 80 năm.

- Di chỉ Rạch Lá (xã Phước An, huyện Nhơn Trạch)

Di chỉ được khai quật năm 2002. Cùng với hiện vật đá, gỗ, đồ gốm thu thập được: 8 bi gốm, 1 mảnh cà ràng và 508 mảnh gốm vỡ. Các mảnh gốm vỡ gồm nhiều loại: 135 tiêu bản gốm miệng loe mép vê tròn hoặc có gờ mái, miệng đứng; 51 mảnh chân đế cao và chân thấp, đáy bằng; 322 mảnh thân kích thước nhỏ do bị phân rã. Phần lớn các hiện vật là gốm thô, chất liệu sét pha nhiều cát, một số mảnh pha bã thực vật, áo gốm màu nâu, xám nhạt. Gốm được nung ở nhiệt độ cao, xương gốm cứng. Hoa văn trên các mảnh gốm chiếm tỉ lệ thấp, chủ yếu là văn thừng, khắc vạch, chấm dải với họa tiết gồm đường song song, gấp khúc chữ chi, đường cong lượn sóng, hình tam giác. Niên đại cách ngày nay khoảng 3.200 năm.

- Di chỉ Bình Đa (phường An Bình, thành phố Biên Hòa)

Địa điểm này được các nhà khoa học Pháp phát hiện khá sớm từ cuối thế kỷ XIX, được khai quật 2 đợt: lần thứ nhất vào năm 1979 (phát hiện 42 thanh đoạn đàn đá), lần thứ hai vào năm 1992. Hàng chục ngàn mảnh gốm được thu thập và xử lý. Đợt khai quật năm 1979, thu thập hơn 38.000 mảnh. Hiện vật gốm được nghiên cứu, phân làm 4 loại (theo màu sắc, chất liệu): gốm đỏ và đỏ nhạt, gốm xám, gốm đen và gốm thô. Số lượng gốm có trang trí hoa văn chiếm tỉ lệ cao. Hoa văn được tạo bằng cách đập (hình nan chiếu), chải, vạch và miết láng. Một số họa tiết: đường thẳng song song, lượn hình sóng, nửa đường tròn quay (phía trong có những hình nửa đường tròn nhỏ hơn, đồng tâm quay cùng một hướng), hình răng sói và hình chữ nhật. Các mảnh gốm vỡ từ các vật dụng: bát bồng có chân đế cao hình ống hoặc choãi ra; nhiều kiểu nôi, vò có đáy tròn, đáy lõm và đáy bằng. Đợt khai quật năm 1992, thu thập được 105 đồ đất nung và 9.389 mảnh gốm vỡ. Đồ gốm còn nhận dạng được gồm 1 chiếc bình (dạng con tiện, chế tạo bằng bàn xoay, xương màu nâu, vỏ phủ màu nâu gạch); 2 hũ đáy bằng (đất sét pha cát thô, xương cứng, áo màu nâu sẫm, miệng loe vành); 4 chiếc đĩa (bằng sét pha nhiều bã thực vật, vỏ nhuyễn thể nghiền nát và cát



thô, xương gốm dày); 5 vật gốm hình trụ (còn gọi là gốm sừng bò, bằng sét pha cát mịn, xương cứng, đầu trụ thon tròn nhọn); 49 viên bi gốm); 11 mảnh gốm tròn (trang trí hoa văn thừng, chải mịn); 3 nồi nấu đồng (dạng tròn, kiểu chuôi muống, thành gốm dày). Có 9.547 mảnh gốm vỡ (3.215 miệng bình, 63 mảnh nắp đậy, 411 mảnh đáy đế và 3.858 mảnh thân). Trong số các mảnh thân có 343 tiêu bản có gờ, 4.438 tiêu bản trơn và 1.077 tiêu bản có hoa văn. Gốm Bình Đa được chế tạo bằng tay (chiếm tỉ lệ thấp) và bàn xoay ở trình độ khá tiến bộ. Đất sét được lọc, có pha cát mịn/bột vỏ nhuyễn thể bã thực vật/một ít bột đá trắng/xám. Những hiện vật gốm Bình Đa cho thấy cư dân cổ đã sử dụng những thao tác kỹ thuật nặn vuốt, miết láng bằng tay, bàn đập, hòn kê, dải cuộn, gắn kết chân đế hay gờ nổi để tạo hình tùy theo chức năng của đồ dùng. Hoa tiết trang trí trên gốm đa dạng: văn chải, văn thừng, văn khắc, văn in, răng cưa, khuôn nhạc, đường cung, sóng nước, hình tam giác, hình bầu dục, đường cắt chéo. Niên đại 3.180 ± 50 năm cách ngày nay.

- Di chỉ Gò Me (phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa)

Nhiều hiện vật gốm được phát hiện trên bề mặt của khu vực khá rộng gần 3ha. Đầu thập niên 80 (thế kỷ XX), các nhà khoa học đã điều tra, thám sát. Hiện vật gốm thu được hàng trăm mảnh trong bề mặt và các địa tầng văn hoá. Có ba loại gốm: gốm trắng (chiếm số lượng ít), gốm đen và gốm đỏ. Hiện vật gốm có 200 mảnh gốm và 1 dọi xe chỉ, 4 bi gốm, 1 chén rót đồng (miệng phẳng, thành dày, đáy tròn). Một số mảnh vỡ của bát mâm bông (chân đế cao, choãi rộng). Hoa văn được tạo bằng kỹ thuật chải, đập và in thừng. Đợt khai quật năm 2007, về hiện vật gốm tại di chỉ, thu thập được số lượng lớn: 115.000 mảnh gốm vỡ (91.804 mảnh có hoa văn), 172 bi gốm, 23 dọi xe chỉ, 7 mảnh gốm ghè tròn. Đợt khai quật năm 2010, thu thập được 32.891 mảnh gốm; trong đó có 843 mảnh có hoa văn (văn thừng, văn chải). Niên đại cách ngày nay khoảng 3.000-2.500 năm.

- Di chỉ Bình Xuân (xã Xuân Phú, huyện Xuân Lộc)

Di chỉ cách núi Chứa Chan khoảng 3km về phía Tây Bắc. Địa điểm phát hiện nhiều mảnh gốm vỡ. Nguyên liệu chế tác từ đất sét, pha nhiều cát và bã thực vật, nhiều mảnh có lẫn những hạt thạch anh màu trắng. Gốm có độ cứng, độ nung cao. Xương gốm có màu đen, xám nâu và lớp ngoài bị bào mòn khá nhiều. Đồ gốm phần lớn là các loại bình, hũ miệng loe khum, mép nhọn, phần cổ có gờ nổi cao. Các thành miệng của các vật dụng này có nhiều kiểu dáng: lõm cong hình lòng máng, loe phẳng hay uốn cong, mép đáy vè tròn. Một số mảnh gốm in dấu văn chải mịn. Niên đại khoảng nửa đầu thiên niên kỷ thứ II trước Công nguyên (khoảng 3.000 năm cách ngày nay).

- Di chỉ Cái Lặng (xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch)

Di chỉ được khai quật năm 2000. Đồ gốm thu thập chiếm số lượng lớn gồm: 1 dọi xe chỉ, 7 bi gốm,

10 mảnh cà ràng, 1 bát, 1 đĩa, 1 bàn dập, 11 chân đế, 1 nắp đậy và 172.383 mảnh gốm. Có hai nhóm gốm: gốm thô và gốm mịn. Loại gốm thô có lớp áo gốm mỏng, có màu nâu, vàng nhạt hoặc màu đỏ. Đồ gốm được chế tạo bằng bàn xoay kết hợp với nắn sửa bằng tay, dụng cụ bằng tre, gỗ. Gốm thô được nung ở nhiệt độ thấp, thành phần phiêu gốm có sét trộn nhiều cát, sạn và một số ít chất phụ gia như tro mùn, bã thực vật và cả nhuyễn thể nghiền vụn. Loại gốm mịn làm từ đất sét mịn, chất phụ gia như cát được lựa chọn kĩ càng. Lớp áo gốm có màu nâu, có khả năng được tạo từ lớp phủ quét hay tráng lớp bột mịn, sau đó xoa và miết nhẵn, độ nung cao và được tinh luyện nên chắc, cứng. Đồ gốm Cái Lăng chủ yếu những vật dụng đĩa, bát, vò đáy tròn, đáy bằng/có chân đế. Hoa văn, họa tiết trang trí trên gốm đa dạng: đường vạch ngắn, đường viền, những đường viền ngang song song, đường sóng kết hợp với đường vạch, họa tiết hình tam giác, hình sao, hình chữ V, đường chéo, đường vạch lồi, mảnh nhọn, hình hạt đậu ẩn lồi, miết vạch ô lưới hay đường cong... Phần lớn, hoa văn được khắc vạch trên nền văn chải. Niên đại cách ngày nay khoảng 2.900-2.700 năm cách ngày nay.

- Di chỉ Suối Chồn (xã Bảo Vinh, thành phố Long Khánh)

Di chỉ được đào thám sát và khai quật qua nhiều đợt. Hiện vật gốm thu thập gồm: dọi xe sợi, bi gốm, núm gốm và nhiều mảnh vỡ, đặc biệt có các chum gốm dùng để táng người chết. Đây là dạng thức của quan tài bằng gốm (cao 50cm, đường kính thân 60cm, miệng loe 45-50cm), đáy lồi tròn, có văn chải trên thân nồi. Gốm Suối Chồn có nhiều loại thô, mịn và xốp, hầu hết được chế tạo từ bằng sét, có bàn xoay, độ nung khá cao và nhiều màu (xám, đỏ gạch, xanh xám, hồng nhạt). Phần lớn các chum gốm kiểu miệng loe, nồi miệng thấp. Hoa văn, họa tiết trang trí gồm: văn chải, văn khắc vạch, hình tam giác cân, vạch song song. Niên đại khoảng nửa sau thiên niên kỷ I trước Công nguyên (khoảng trên 2.500 năm cách ngày nay).

- Di chỉ Suối Đá (xã Hàng Gòn, thành phố Long Khánh)

Đây là khu mộ chum, nằm trên vùng đất đỏ bazan, cạnh suối Gia Liêu, phát hiện thập niên 60, thế kỷ XX. Tại đây có trên 60 chum gốm (cao từ 20cm đến 150cm), phân thành 3 loại: loại có hông gần đáy vành mép rộng, miệng loe; loại chum hình quả trứng được tạo do kỹ thuật dải cuộn, có họa tiết đường song song trên nền văn chải hình răng lược; loại chum có đáy trứng, miệng loe, không có hoa văn. Ngoài ra còn có các hiện vật gốm: bình và nồi đáy bằng, đáy trứng, miệng hẹp và rộng, mép mỏng, miệng loe, vành mép thấp, có hoa văn, cổc miệng tròn, đáy phẳng; đĩa, chân đèn, nắp đậy, dọi xe sợi (hình chóp cụt), khoan gốm (dạng hình ống). Niên đại cách ngày nay 2.300 ± 150 năm.



3. Đặc điểm gốm tiền sử Đồng Nai

- Về loại hình

Đồ gốm của cư dân tiền sử đa dạng về loại hình, trong đó chủ yếu là những vật dụng trong đời sống hằng ngày. Qua thời gian và nhiều yếu tố từ tự nhiên và cả con người tác động, những hiện vật gốm được thu thập không còn nguyên vẹn, chủ yếu là những mảnh vỡ và bị hư hoại nhiều. Một số hiện vật được phục chế. Đồ gốm tiền sử ở Đồng Nai gồm các vật dụng sinh hoạt phục vụ cho đời sống của con người: Bình, vò, nôi, cốc, lọ, đĩa, bát, chân đèn, nắp đậy, cà ràng (bếp)... Mỗi loại, có những kích cỡ khác nhau. Một số hiện vật gốm được dùng trong các hoạt động kinh tế: bàn xoa (dùng trong chế tạo gốm), dọi xe chỉ, ống chỉ (dùng trong dệt vải), chì lưới (trong đánh bắt thủy sản), bi... Một số di vật dùng trong tín ngưỡng, như bát bông - có thể dùng làm đồ đựng và cả để đồ cúng; đặc biệt, cách thức an táng với việc sử dụng chum (vò) để táng thi hài người chết.

- Về nguyên liệu

Gốm tiền sử Đồng Nai được chế tạo từ nguyên liệu đất sét là chính và một số phụ gia tùy theo tỷ lệ (cát, sỏi, thạch anh, bã thực vật, bột vỏ nhuyễn thể, phù sa sông, sỏi cùng một số khoáng chất tự nhiên). Tùy địa bàn cư trú mà nguyên liệu đất sét có thành phần hoá học tại chỗ cũng khác nhau được cư dân khai thác chế tác. Kỹ thuật chế tác và mục đích làm sản phẩm mà tỉ lệ các loại gốm trong từng di chỉ có sự khác biệt. Mặc dầu đã xuất hiện loại hình di chỉ công xưởng (chuyên môn hóa chế tác) với quy mô nào đó nhưng sự trao đổi sản phẩm gốm giữa các cư dân cùng thời chưa đáng kể, chỉ phục vụ cho nhu cầu nội bộ cộng đồng từng địa bàn. Đồ gốm di chỉ Cầu Sắt (xã Bình Lộc, thành phố Long Khánh) được nhìn nhận là đồ gốm cổ nhất ở Đồng Nai và cả Nam Bộ. Nguyên liệu làm sản phẩm gốm Cầu Sắt thuộc nhiều loại, chủ yếu từ đất sét núi và phù sa sông. Đồ gốm các di chỉ ở địa bàn đồi núi, đất đỏ bazan như Cầu Sắt, Núi Gốm, Hàng Gòn, Dầu Giây, Phú Hoà... có nguồn nguyên liệu chính là sét núi (tỉ lệ 70%), chất phụ gia sa thạch khá đa dạng. Đồ gốm ở di chỉ Bình Đa làm từ đất sét lọc kỹ, pha thêm cát mịn, vỏ nhuyễn thể nghiền nát, một tỉ lệ nhỏ bột đá màu trắng và bã thực vật. Đồ gốm các di chỉ Suối Linh, Suối Chồn, Cái Vạn, Cái Lăng, Rạch Lá, Phước Tân... có những nét tương đồng về chất liệu với gốm Bình Đa, đặc biệt có thêm chất phụ gia như tro bùn - có thể chất này có sẵn trong sét phù sa sông (hạ lưu sông Đồng Nai) thêm vào trong chế tác.

Căn cứ vào kết quả nghiên cứu thành phần hóa học và phương pháp phân tích quang phổ gốm cổ ở Đồng Nai, một số nhà khoa học cho biết khoáng vật phụ gia trong gốm cổ có thể khai thác từ nhiều loại cát phù sa ven sông/suối bắt nguồn từ Xuân Lộc - Long Khánh chảy qua những vùng có hoặc không phủ bazan. Phụ gia gồm các khoáng vật như: khoáng gốc bazan (gồm olivin, fero-magiê, spinel, ilmênit), khoáng gốc granit (gồm hornblend, zircon, mica, rutin), hoặc micro-granit (riolit, quartz, corrodos), đá

biến chất (staurotit), đá trầm tích (grès, laterit, eolit ferrugineux). Độ bền của sản phẩm gốm phụ thuộc vào nguyên liệu, tỉ lệ pha chế chất phụ gia và trình độ kỹ thuật chế tác.

- Về kỹ thuật

Gốm tiền sử Đồng Nai được làm bằng bàn xoay, phối hợp với thao tác kỹ thuật bằng tay trong nhiều công đoạn chiếm vai trò chủ đạo. Những loại hình hiện vật gốm chế tác thuần bằng tay chiếm tỉ lệ nhỏ. Dấu vết của kỹ thuật chế tác bằng bàn xoay thể hiện rõ nét từ vết mờ hay đường chỉ viền ngang phần đáy, miệng của nhiều hiện vật gốm. Các thao tác bằng tay như dải cuộn (lúc tạo phôi), nặn vuốt (mép miệng, tạo gờ, xoa bề mặt, miết láng...), kỹ thuật hòn dập – bàn kê, kỹ thuật gắn kết chân đế, chải, khắc, tô màu... trong chế tác sản phẩm gốm thể hiện ở công đoạn tạo hình, sửa sang bề mặt, trang trí hoa văn. Ở góc độ chất liệu và kỹ thuật chế tác, các nhà nghiên cứu đã phân ra các loại gốm chính: gốm mịn, gốm thô và gốm xốp phụ thuộc vào khâu chọn nguyên liệu chính, tỉ lệ chất phụ gia và độ nung. Loại gốm mịn được chế tác bằng nguyên liệu sét mịn tuyển chọn, chất phụ gia chủ yếu là cát hoặc một số chất khác được sàng lọc (hạt mịn, nhỏ), nhiệt độ nung cao nên đảm bảo cứng chắc. Loại gốm thô thì kích cỡ hạt lớn, chất liệu không tuyển chọn kĩ và nhiệt độ nung thấp. Loại gốm xốp thì tỉ lệ chất phụ gia: bã thực vật, tro mùn... chiếm tỉ lệ khá lớn, độ nung thấp nên chúng dễ thấm nước, không bền.

- Về hoa văn

Hoa văn trang trí trên sản phẩm gốm cũng là một trong các tiêu chí để phân loại gốm: gốm có hoa văn và gốm trơn (không có hoa văn). Tại các di chỉ khảo cổ học Đồng Nai, hai loại gốm này có tỉ lệ khác nhau. Hoa văn được thể hiện trên bề mặt của nhiều loại tiêu bản gốm có chủ đích của người chế tác. Có những tiêu bản nhiều hoa văn phong phú về kiểu nhưng cũng có tiêu bản chỉ trang trí một dạng hoa văn.

+ Văn chải: tạo nên từ những que dẹt đập tua đầu hay que nhiều răng khá đều để chải bề mặt phôi gốm tăng độ bám của áo gốm phủ ngoài và tạo thêm độ cứng. Vết rãnh chải thường sâu, chạy theo nhiều chiều (dọc, xiên, cắt ngang hay chéo nhau).

+ Văn thừng: tạo nên từ những bàn dẹt có nhiều kích cỡ khác nhau cuốn dây thừng để đập, lăn lên phôi gốm và bề mặt để tạo thêm độ cứng, chắc cho sản phẩm. Văn thừng thể hiện trên gốm theo nhiều chiều khác nhau và thường bố trí kết hợp văn chải.

+ Văn khắc vạch: tạo nên từ các que, thẻ đầu nhọn hay tròn hoặc tạo răng kích cỡ nhỏ/vừa. Văn khắc vạch thường thể hiện trên nền văn thừng, khá đa dạng với các đồ án trên nhiều phần bề mặt của sản phẩm.

+ Văn in chấm, in dải: tạo nên từ các que hay thẻ hoặc đầu ngón tay được sử dụng theo chủ đích



của người thợ: in từng chấm rời, nối tiếp nhau hay từng dải vạch chấm hay các dải đường ngang, thẳng, chéo, xiên nhau, song song hoặc các hình hình học... vào phôi gốm.

+ Văn dập: tạo nên từ các vật phẩm như tấm nan tre, nan chiếu có sẵn những đường gờ nổi, hay các hình hình học. Người thợ dùng dập vào phôi gốm. Một số ý kiến cho rằng văn dập là vết tích của việc gốm khi vừa tạo dáng (còn ướt) được phơi trên những vật phẩm nói trên.

+ Văn đắp nổi: tạo từ những dải đất sét tạo thành gờ, dải băng dài hay ngắn với nhiều kích cỡ, chế tác rời và đắp vào mặt gốm. Văn đắp nổi thường được gắn vào mặt gốm chủ yếu ở vai gốm, thường thấy ở các loại chum, vò.

+ Văn khoét - miết: tạo bằng que dẹt có đầu bằng hay chỉ đơn giản bằng ngón tay người chế tác ấn lên mặt trong của cổ gốm (nơi tiếp giáp giữa phần cổ và thân, vai) trên nền văn chải, văn thừng. Những rãnh hình lòng máng, những băng miết lảng song hành với các dạng văn khác có tính chất trang trí cho sản phẩm.

+ Các đồ án, họa tiết: gốm tiền sử Đồng Nai có đồ án, họa tiết trang trí phong phú, thể hiện trên các bề mặt của sản phẩm: đường vạch, chỉ chìm hay chấm (thẳng, song song, xiên, chéo nhau, cong, đường xoáy tròn ốc, đường lượn sóng, đường gãy rời nối tiếp nhau...), hình học (tam giác/răng sói, hình thoi/hình vuông hay dạng ô lưới/nửa hình tròn/hình khuôn nhạc hình bầu dục hình răng cưa/hình hoa thị hình sao...), hình chữ (V, S). Các đồ án, họa tiết phối hợp từ một đến nhiều loại hoa văn, họa tiết với nhiều kiểu thức (nổi, chìm, lồi hay lõm, liên kết, cách rời...) rất độc đáo.

- Về màu sắc

Gốm tiền sử Đồng Nai có sự đa dạng về màu sắc (áo phủ và xương gốm). Lớp áo ngoài được phủ màu hoặc bôi màu trang trí. Những loại gốm này chiếm tỉ lệ vừa phải. Loại gốm xử lý phủ màu bề mặt trước khi nung chiếm tỉ lệ cao hơn gốm bôi màu trang trí. Bề mặt sản phẩm gốm phủ màu đa dạng: nâu, nâu đỏ, đỏ nhạt, xám nhạt, xám sẫm, vàng, vàng nhạt, trắng đục, đen... Nguyên liệu màu phủ này được cho là chế từ dạng nhựa thực vật hoặc một loại khoáng chất hoà với nước pha đất loãng để thoa. Loại gốm bôi màu trang trí chiếm tỉ lệ vừa phải (tiêu biểu là gốm tại di chỉ Bình Đa). Lớp màu áo gốm trang trí được bôi trước khi nung, có tác dụng làm bóng láng bề mặt trong và ngoài, chủ yếu là tạo thẩm mỹ. Sản phẩm gốm bôi màu trang trí thì bề mặt thường dễ trơ, rất hiếm kết hợp với các hoa văn. Loại gốm bôi màu trang trí có nét khác biệt là các khoảng màu có thể được thể hiện trên khắp bề mặt ngoài hay trong hoặc từng bộ phận của sản phẩm. Màu sắc trang trí đa dạng nhưng chủ yếu là nâu, đen, đỏ tươi với các sắc độ khác nhau. Ngoài tính chất thẩm mỹ về màu sắc, còn tăng thêm độ bền của gốm.

*

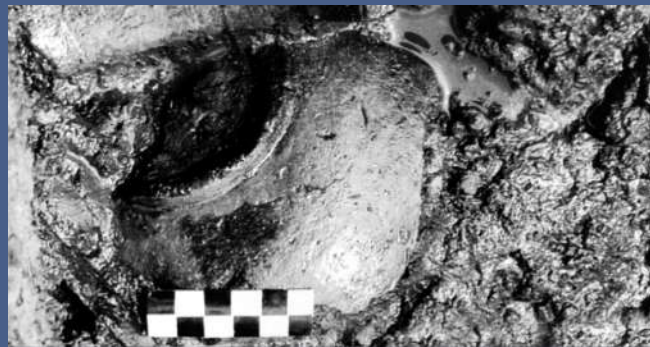
Trong quá trình tồn tại, cư dân tiền sử Đồng Nai đã thích ứng với môi trường địa-sinh thái và không ngừng sáng tạo để phát triển. Với các phương thức đảm bảo đời sống vật chất, cư dân đã làm những nghề thủ công, trong đó có nghề gốm với trình độ kỹ thuật nhất định. Những di chỉ khảo cổ với số lượng hiện vật gốm được phát hiện trên các tiểu vùng địa lý đặc trưng cho thấy nghề gốm ở Đồng Nai phát triển để phục vụ cho đời sống con người thời kỳ nguyên thủy. Sản phẩm từ nghề gốm với những công năng, công dụng nhất định đã tạo điều kiện thuận lợi cho cư dân cổ sống ngày càng tốt hơn, từ vùng đồi núi hay đồng bằng, vùng cận biển. Các di chỉ xưởng chế tác công cụ đá, gốm đáp ứng nhu cầu cho nội bộ cộng đồng, phản ánh bước tiến về trình độ nhận thức, khả năng sáng tạo và mức tiến bộ về kinh tế, xã hội của người tiền sử Đồng Nai. Đặc trưng của truyền thống gốm tiền sử Đồng Nai là sự đa dạng về chất liệu, màu sắc, loại hình kiểu dáng phong phú, chất lượng rắn chắc, trang trí mộc mạc, dồi dào về số lượng và có những sắc thái độc đáo: gốm được tô hay vẽ màu tạo nên những nét chấm phá và sự sáng tạo của những cư dân thời kỳ tiền sử.



MỘT SỐ HIỆN VẬT GỐM TRONG CÁC DI CHỈ KHẢO CỔ Ở ĐỒNG NAI



Di chỉ Bình Đa (thành phố Biên Hòa) đợt khai quật năm 1979, phát hiện nhiều hiện vật gốm trong địa tầng văn hóa.



Hiện vật gốm trong di chỉ Suối Chồn (thành phố Long Khánh), di chỉ Cái Lăng (huyện Nhơn Trạch).



Mảnh gốm xốp tại di chỉ Suối Linh.



Mảnh gốm có gờ và hoa văn.



Mảnh gốm có hoa văn ở di chỉ Bình Đa, Rạch Lá, Gò Me.



Mảnh gốm - Di chỉ Gò Me.



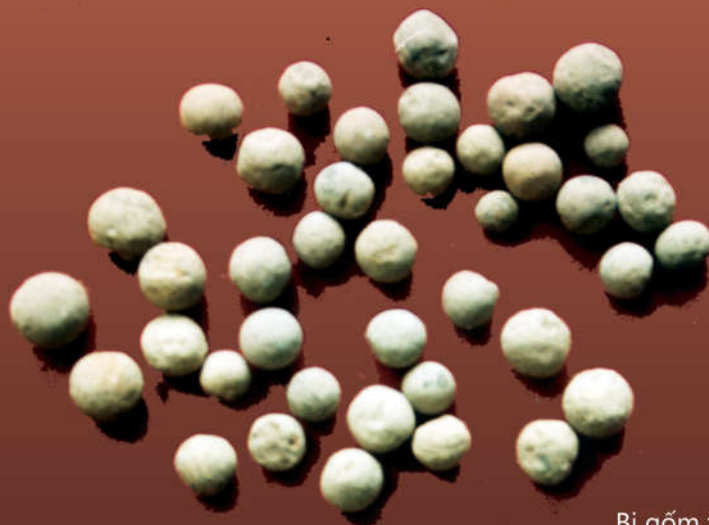
Gốm trang trí văn chấm giải, lượn sóng - Di chỉ Cái Lăng.



Mảnh gốm có hoa văn - Di chỉ Cái Lăng.



Mảnh gốm màu và có hoa văn - Di chỉ Bình Đa.



Bì gốm trong di chỉ Bình Đa.



Chì lưới trong di chỉ Cái Vạng.



Dội xe chỉ trong di chỉ Suối Chồn.



Gốm "Cà Ràng" / gốm sừng bò -
Di chỉ Cái Vạng.



Phần trên bát bồng (di chỉ Cái Vọn), bát bồng (di chỉ Cái Lăng 2).



Dạng chân đế - Loại hình bát bồng - Di chỉ Bình Đa.



Thân, chân đế bát bồng - Di chỉ Cái Vọn.



Bàn xoa gốm.



Chân đế, một phần chén gốm - Di chỉ Gò Me.



Bình gốm phục chế, miệng gốm di chỉ Cái Lãng, quai bình gốm Gò Me (Nhơn Trạch).

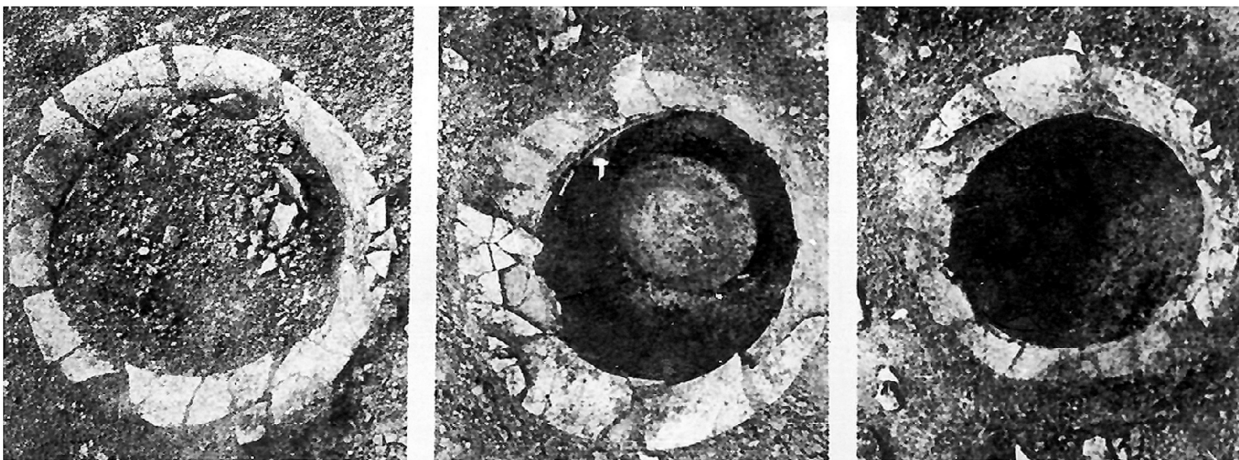


Hũ gốm - Di chỉ Cái Vạn.

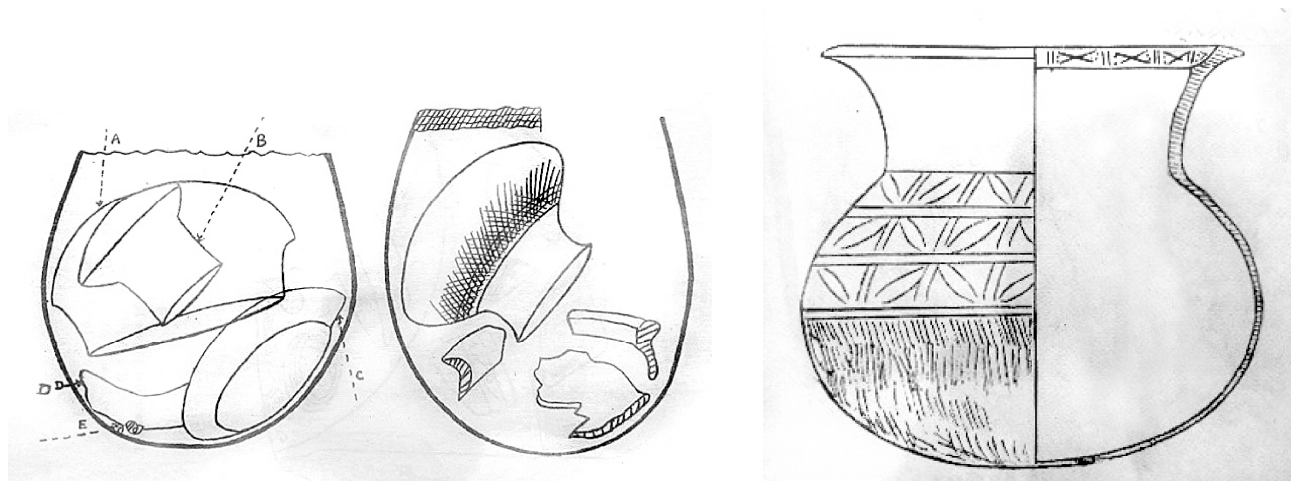
Bình gốm di chỉ Bình Đa.



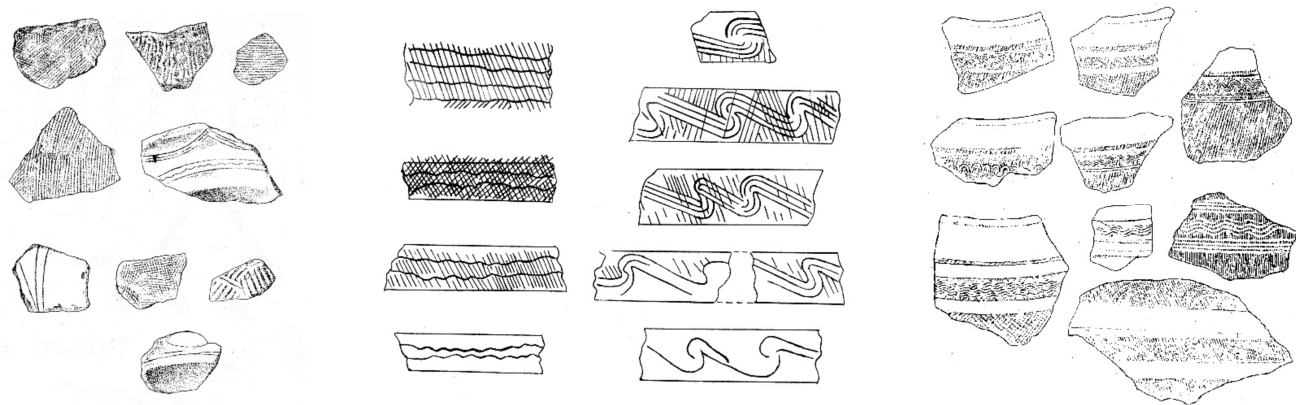
Hoa văn trên các bình gốm phát hiện tại Đồng Nai .



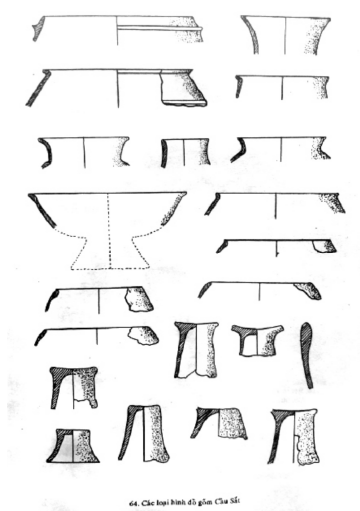
Vò/chum gốm táng người chết (Di chỉ Phú Hòa).



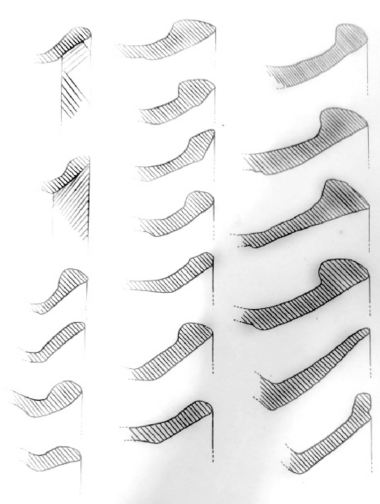
Bản vẽ chum/vò và nồi gốm dùng làm quan tài, đồ tùy táng Phú Hòa.



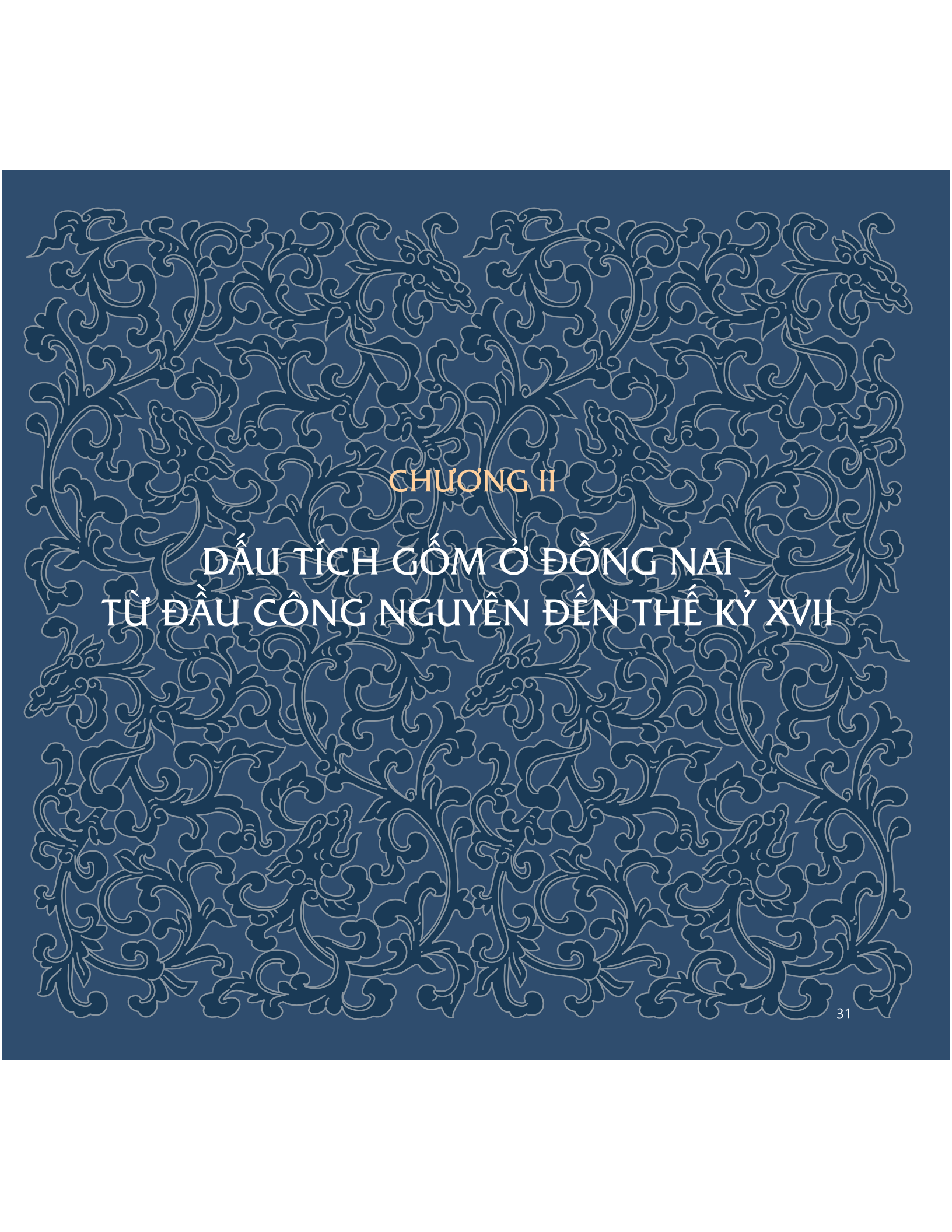
Đồ án hoa văn gốm Cái Vạng, gốm Bình Đa, gốm Phú Hòa.



Các loại hình đồ gốm Cầu Sắt.



Các dạng miệng gốm Suối Linh.



CHƯƠNG II

DẤU TÍCH GỖM Ở ĐỒNG NAI TỪ ĐẦU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỶ XVII





1. Dẫn luận

Từ đầu Công nguyên, vùng đất Nam Bộ của Việt Nam ngày nay có những chuyển biến trong cấu trúc xã hội. Những cư dân cổ trải qua một chặng đường phát triển mạnh mẽ, hình thành nên quốc gia Phù Nam. Địa giới của quốc gia này trải rộng bao gồm nhiều nước trong khu vực phía Nam của Đông Nam Á (Nam Việt Nam, Campuchia, Thái Lan). Khi vương quốc Phù Nam tan rã, Chân Lạp thay thế. Vùng đất hạ lưu các sông ở Nam Bộ có cư dân Việt đến sinh sống, cùng những nhóm người Hoa di dân, chúa Nguyễn thiết lập quản lý hành chính đầu tiên từ cuối thế kỷ XII (năm 1698). Đất Biên Hòa - Đồng Nai ẩn chứa sự đa dạng văn hóa của các lớp cư dân cổ qua những giai đoạn. Thời kỳ này, nghề thủ công phát triển, dấu tích phản ánh qua những di tích khảo cổ được phát hiện với nhiều hiện vật, trong đó có đồ gốm.

2. Di vật gốm trong một số di chỉ khảo cổ

Một số di chỉ khảo cổ trong giai đoạn từ đầu Công nguyên trở đi được phát hiện, khai quật ở Đồng Nai trên các dạng địa hình, thu thập nhiều di vật được chế tác chất liệu đá, gốm, gỗ, kim loại (đồng, vàng)... Bên cạnh đó, một số hiện vật được phát hiện từ nhiều nguồn và được nghiên cứu, xác định niên đại thuộc về các thời kỳ liên quan các quốc gia cổ - tương ứng với giai đoạn văn hóa Óc Eo và hậu Óc Eo. Hầu hết, những di chỉ khảo cổ phát hiện là các cấu trúc liên quan đến tôn giáo của cư dân (kiến trúc đền thờ, tượng thờ, vật thiêng và những di vật khác), được xây dựng bằng gạch, đá, gỗ.

- **Di chỉ Gò Chiêu Liêu, Gò Ông Tùng (xã Long Phước, huyện Long Thành):** Dạng thức đền đài liên quan tôn giáo, những hiện vật bằng đá là tượng và đồ thờ. Nền và tường được xây bằng gạch. Đồ gốm có nhiều mảnh vỡ từ các loại bình, hũ. Có hai loại gốm: gốm thô làm bằng tay, để trơn và gốm mịn làm bằng bàn xoay, trang trí hoa văn. Niên đại 1.900 ± 70 năm cách ngày nay.

- **Di chỉ Cây Gáo (xã Cây Gáo, huyện Vĩnh Cửu):** Trước đây, di chỉ thuộc xã Cây Gáo nhưng địa điểm này giờ đã trong lòng hồ Trị An khi công trình thủy điện xây dựng và đưa vào sử dụng từ thập niên 80 (thế kỷ XX). Đây là công trình kiến trúc tôn giáo, được xây dựng bởi nền và tường gạch những phần trên đã bị hư hoại. Đồ gốm chủ yếu là gạch xây tường, lát nền với chu vi một số gạch bị vỡ vụn trong hỗn hợp đất sét, sỏi cùng những mảnh gốm thô. Niên đại 1.750 ± 45 năm cách ngày nay.

- **Các di chỉ Đồng Bơ, Suối Ràng, Bàu Sen (xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu);** Rạch Đông (xã Bắc Sơn, huyện Thống Nhất); Nam Cát Tiên, Đạ Lắc (xã Nam Cát Tiên, VQG Cát Tiên, huyện Tân Phú): Kiến trúc đền thờ tôn giáo xây bằng gạch, đá. Tại các di chỉ, phát hiện, thu thập những di vật đặc trưng, phổ biến là tượng thờ, bệ thờ, vật thiêng (vàng)... , một số mảnh gốm. Đặc biệt, cách ở di chỉ Nam Cát Tiên có trang trí hoa văn, chạm nổi hoa văn hình lá cách điệu, kiểu gạch vát xéo một đầu, đầu gọt tròn hoặc ngoàm rãnh. Niên đại các di chỉ trong khoảng thế kỷ thứ VII - IX sau Công nguyên.

- **Di chỉ Bến Gỗ (xã An Hòa, thành phố Biên Hòa):** Trong phạm vi chùa Long Bửu. Tại đây, phát hiện nhiều hiện vật bằng đá (tượng, phù điêu), trong đó có nhiều chóp nhọn - được xem là đồ trang trí trên mái hoặc tường của kiến trúc đền tháp. Chóp làm từ đất sét pha cát mịn, dáng hình trụ, phía dưới có những đài nhỏ hình búp sen và thon dần lên tạo nên hình chóp. Niên đại khoảng thế kỷ X - XI sau Công nguyên.

- **Di chỉ Cầu Hang (phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa):** trong phạm vi tịnh xá Ngọc Uyển. Địa điểm khai quật không phải là nền của kiến trúc đền tháp nhưng có nhiều hiện vật bị dồn lại sau này. Đồ gốm được thu thập khá nhiều, gồm các dạng ngói (úp, ngựa, diềm) cùng với các chóp nhọn được làm từ đất sét, tạo tác thủ công và có khuôn theo loại. Ngói úp có 7 tiêu bản khá nguyên vẹn, kiểu dáng nửa hình ống, có móc, một đầu lớn, một đầu nhỏ, làm từ đất sét. Ngói ngựa hình chữ nhật, cong dần về hai cạnh, ở giữa có núm lồi. Ngói diềm có kích thước như ngói ngựa, có phần diềm hình lá đề phía trước, in nổi hoa văn (hình bầu dục, móc câu, chữ S cách đều hoặc hình mặt người đội mũ nhọn), dùng trang trí trước phía mái. Chóp nhọn có 19 tiêu bản, thân hình trụ, phía đáy gắn với tấm ngói úp, hình búp sen, làm từ phương pháp dải cuộn, dùng trang trí. Niên đại khoảng thế kỷ X - XII sau Công nguyên.

- Về sưu tập gốm phát hiện dưới sông Đồng Nai

Dưới lòng sông Đồng Nai - đoạn chảy qua Biên Hòa, người dân đã thu thập được nhiều hiện vật, trong đó đồ gốm khá độc đáo với nhiều loại hình, kiểu dáng. Nhà Bảo tàng Đồng Nai đã xây dựng được bộ sưu tập hiện vật để nghiên cứu, trưng bày. Bộ sưu tập này có nhiều loại hình, trong đó có những hiện vật có niên đại được xác định từ đầu Công nguyên đến thế kỷ XIII, gồm: 2 bình có vòi (thế kỷ I - VIII); 4 nôi gốm, 5 bình đáy nhọn, 10 bình cổ nhỏ miệng hẹp (khoảng thế kỷ IX - X); 17 âu/đồ đựng, 70 bình con tiện, 8 chum, 5 bình chóp đáy bằng, 3 bình hình cầu đáy lồi tròn và một số vò không quai, bình có vòi (thế kỷ XII - XIII). Những hiện vật có niên đại từ thế kỷ XVI đến XVIII, gồm: 133 lọ, 53 đĩa và chân đèn, 42 hũ, 41 ống nhỏ, 39 bát, 31 ấm có quai, 31 bình vôi, 30 vò có quai, 22 trách, 17 chậu, và một số đĩa, siêu, hộp, nắp đậy... Một số hiện vật còn nguyên dạng, một số bị vỡ ở những mức độ khác nhau.



3. Đặc điểm gốm ở Đồng Nai đầu Công nguyên đến thế kỷ XVII

Hiện vật gốm phát hiện trong các di chỉ khảo cổ giai đoạn này phân bố trên các tiểu vùng địa lý của Đồng Nai hiện nay: từ rừng núi cao phía Bắc đến đồi gò miệt hạ sông. Hầu hết là những mảnh gốm vỡ từ các đồ đựng sử dụng trong đền tháp, là loại gốm thô và mịn mang truyền thống của gốm Óc Eo. Trong số các di chỉ tôn giáo này, gạch chiếm số lượng nhiều nhất bởi là vật liệu (cùng với đá, cát, gỗ) để xây dựng kiến trúc. Loại gạch xây dựng các đền thờ màu làm từ đất sét, có sỏi, sạn (la-tê-rít) và pha trộn vỏ trấu. Đây là nguyên liệu tại chỗ (đất sét phù sa và đất sỏi) với kỹ thuật làm khuôn với nhiều kích cỡ, cạnh góc vuông vắn, độ nung cao, rắn chắc. Về nghề làm gạch, có ý kiến cho rằng: truyền thống kỹ thuật làm gốm được du nhập cùng thời với những sản phẩm có xuất xứ từ Ấn Độ. Khi vương quốc Phù Nam hình thành, đạo Hin du được truyền bá, nghề làm gạch mới phát triển để đáp ứng nhu cầu tôn giáo². Đồ gốm làm từ đất sét, pha cát theo tỷ lệ khác nhau (cát lớn, cát nhỏ hoặc không và một số có bã thực vật). Tùy theo chất liệu với tỷ lệ pha trộn, độ nung, cho ra những loại gốm thô, gốm mịn, gốm xốp, sành đa dạng về màu sắc và độ dày mỏng của xương gốm. Sản phẩm gốm là nhiều kích cỡ, là những vật dụng hộp tròn, bình, chum, nôi, âu.

Đối với bộ sưu tập gốm dưới lòng sông Đồng Nai phong phú về kiểu dáng, hoa văn và kỹ thuật chế tác. Những sản phẩm phục vụ cho sinh hoạt đời sống con người, làm từ đất sét mịn. Tùy theo chủng loại và công năng mà mỗi thứ được pha thêm những chất liệu như cát, bã thực vật.... Đồ gốm được chế tác bằng kỹ thuật bàn xoay, một số bằng khuôn. Kiểu dáng khá đa dạng tùy theo loại theo chức năng. Mảng trang trí phong phú: hoa văn vạch vòng, dây lá cách điệu, đặc biệt bình vôi có tráng men, chạm những con vật (ve). Khi người Việt, người Hoa đến cư trú trên vùng Đồng Nai, trong hoạt động kinh tế, phát triển nghề thủ công làm gốm nên xuất hiện những hiện vật được chế tạo từ thế kỷ XVII trở về sau. Trong giai đoạn 17 thế kỷ từ đầu Công nguyên, di vật gốm phát hiện ở Đồng Nai mang những truyền thống văn hóa: gốm tiền sử Nam Bộ trước đó, gốm Óc Eo - hậu Óc Eo (thế kỷ VII - VIII), tiền Angkor (thế kỷ IX - X), Angkor (thế kỷ XI - XIII), Angkor muộn (thế kỷ XIII - XV), gốm Duyên hải Hoa Nam và gốm Đại Việt. Đặc biệt, ngoài các sản phẩm mang tính vật dụng, di vật gốm thu thập từ sông Đồng Nai có một đầu tượng khá nguyên vẹn. Chất liệu làm từ đất sét pha cát. Hình dáng đầu tượng tròn, trán thấp, mặt bầu, cung mày nổi gờ, mắt hình thoi, sống mũi thẳng nổi u phía dưới, cánh mũi nở cân xứng, hai môi mở trên mỏng dưới dày, cằm hơi nhọn, lẹm về sau, gò má nổi. Trên trán có gờ nổi tạo thành mái tóc vuốt đều lên trên và hai bên thái dương, sau mái có đường gờ ngang nổi hai tai. Niên đại khoảng thế kỷ thứ VIII - IX.

² Nhiều tác giả (2001), *Địa chí Đồng Nai*, tập III: Lịch sử, Nhà xuất bản Đồng Nai, tr.83



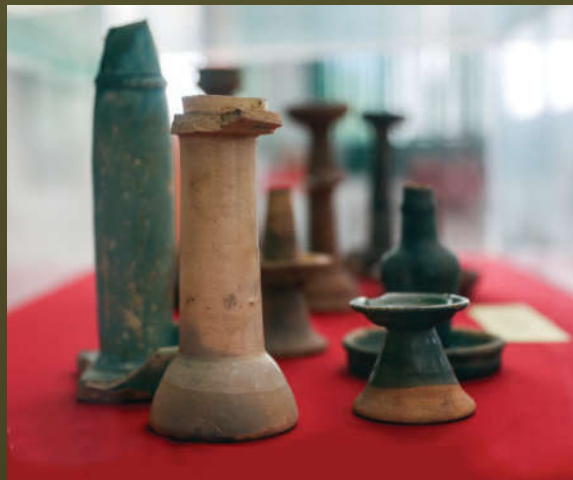
Di chỉ Cây Gáo khai quật năm 1987 - nơi phát hiện dấu vết gạch, gốm sau Công nguyên
(nay bị chìm dưới hồ Trị An khi tiến hành xây dựng thủy điện).



Di chỉ Gò Chiêu Liêu (huyện Long Thành)
Phát hiện gạch và gốm trong cấu trúc đền thờ.



Bình gốm cổ.



Những hiện vật gốm trưng bày tại Bảo tàng Đồng Nai.



Những hiện vật gốm trưng bày tại Bảo tàng Đồng Nai.



Bình gốm có vòi
hiện vật gốm độc đáo
trưng bày tại Bảo tàng Đồng Nai.



Chóp ngói khai quật tại di chỉ Cầu Hang (phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa).



Những dạng bình gốm phát hiện ở Đồng Nai.



Những dạng bình gốm với hoa văn đa dạng phát hiện ở Đồng Nai.



Một số bình gốm cổ.



Gian triển lãm gốm cổ tại Bảo tàng Đồng Nai.

CHƯƠNG III

NHỮNG LÀNG GỔM Ở BIÊN HÒA





1. Dẫn luận

Từ thế kỷ XVII, những nhóm người Hoa, người Việt đến vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai sinh sống. Song hành các hoạt động kinh tế trong khai khẩn canh tác nông nghiệp, khai thác tài nguyên từ rừng, nhiều hộ gia đình phát triển nghề thủ công làm gốm. Việc làm gốm thuận lợi bởi nguồn nguyên liệu đất sét, cao lanh phong phú, nhiên liệu là củi để đốt, nung, cũng như giao thông vận chuyển dễ dàng, đặc biệt nhu cầu của cư dân trong khu vực và lân cận ngày càng cao. Sông Đồng Nai trở thành đường vận chuyển đường thủy thuận lợi tới các nơi khác thông qua ghe, xuồng. Đặc biệt, khu vực Cù lao Phố trở thành nơi giao thương, buôn bán phát triển mạnh với các nơi, sản phẩm gốm sản xuất ở Biên Hòa trở thành mặt hàng thu hút người mua. Ở địa bàn Biên Hòa xưa, thành phố Biên Hòa nay, có khu vực liên quan đến sự hình thành và phát triển của nghề gốm Biên Hòa: Cù lao Phố, Tân Vạn và Bửu Long.

2. Dấu tích gốm ở Cù lao Phố (phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa)

Cù lao Phố là vùng đất được bao bọc bởi hai nhánh của sông Đồng Nai khi chảy qua thành phố Biên Hòa. Từ đầu thế kỷ XIX, Trịnh Hoài Đức nêu những thôn làng trên cù lao: Bình Phú, Bình Kính, Bình Hòa, Bình Qưới, Bình Quan, Bình Tự, Bình Xương, Tân Hưng, Thân Mỹ, Tân Giám, Long Qưới, Long Đức (tổng An Thủy, huyện Bình An, trấn Biên Hòa). Sau nhiều lần thay đổi hành chính qua các thể chế quản lý, địa bàn Cù lao Phố hiện nay là phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa.

Trên địa bàn Cù lao Phố đã phát hiện những hiện vật gốm thời kỳ tiền, sơ sử. Từ thế kỷ XVII - XIX, cộng đồng người Hoa đến Đồng Nai từ nửa sau thế kỷ XVIII đã góp công phát triển Cù lao Phố trở thành thương cảng sầm uất ở Nam Bộ được mệnh danh Đại Phố châu, Nông Nại đại phố: *"Ở đầu phía Tây cù lao Đại Phố, lúc mới mở mang, lập ra phố xá, mái ngói tường vôi, lầu quán cao ngất, dòng sông rực rỡ, ánh nhật huy hoàng, liền nhau tới năm dặm, chia làm 3 đường phố, đường phố lớn lót đá trắng, đường phố ngang lót đá ong, đường phố nhỏ lót đá xanh, toàn thể đường bằng phẳng như đá mài. Kẻ buôn tụ tập, thuyền đi biển, đi sông đều đến cuốn buồm neo đậu, đầu đuôi thuyền đậu nối tiếp nhau, thật là một chỗ đô hội. Các nhà phú thương buôn to bán lớn chỉ ở đây là nhiều hơn..."*³. Với vị trí trung tâm buôn bán quy mô lớn trong khu vực, Cù lao Phố phát triển nhiều ngành nghề, cung ứng nhiều hàng hóa; trong đó có sản phẩm gốm được chế tác ở các thôn, làng Bình Quan, Bình Hòa, Hòa Qưới, Long Qưới. Những biến động của xã hội, trong đó có hai sự kiện quan trọng là cuộc nổi dậy của Lý Văn Quang (1747), xung đột giữa phong trào Tây Sơn và chúa

Nguyễn (nửa cuối thế kỷ XVIII) đã ảnh hưởng nặng nề đến sự phát triển ở Cù lao Phố. Nghề gốm tại đây cũng chịu chung số phận với sự tàn phá nặng nề. Sau khi Cù lao Phố bị tàn phá, một số thợ gốm tại đây đến Sài Gòn (Chợ Lớn) sinh sống, lập lò sản xuất các loại gốm (gia dụng, gạch ngói, tượng thờ, tiểu tượng, sản phẩm tạo hình trang trí kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng) - gọi chung là gốm Cây Mai⁴. Một số gia đình từ Cù lao Phố chuyển qua khu vực Hóa An, Tân Vạn - bên hữu ngạn sông Đồng Nai sinh sống và duy trì nghề làm gốm.

Trên địa bàn Cù lao Phố có những địa danh liên quan nghề gốm: rạch Lò Gốm (xóm Bình Quan), ngọn Gốm (xóm Bình Hòa), bến Miếng Sành (Long Quới). Một số nhà nghiên cứu cho biết: Tại Cù lao Phố đã tìm thấy đồ gốm men Việt Nam, gốm men Trung Quốc và những mảnh sành. Đặc biệt là đồ sành có niên đại Đại Việt thế kỷ XVII mang phong cách Bắc Trung Bộ và Thừa Thiên - Huế⁵; Sưu tập hiện vật khai quật ở bến Miếng Sành bên rạch Lò Gốm (Cù lao Phố, Đồng Nai) là kết quả của sự tiếp nối tri thức bản địa của các cộng đồng cư dân tiền trú, có thể là các cư dân Óc Eo, sau đó là của người Chăm và được kết hợp, tái sáng tạo bởi người Hoa và người Việt⁶; Cù lao Phố là nơi phát xuất nghề thủ công làm gốm Biên Hòa, được những lưu dân Việt và Hoa đem tới tạo lập nghề trên cơ sở cư dân bản địa, sản phẩm gốm được đem đi buôn bán và trao đổi khắp xứ trong thời kỳ khai phá vùng đất này⁷. Sách *Địa chí Đồng Nai* cho biết: ở Cù lao Phố, khu lò gốm của người Việt dọc theo rạch Lò Gốm, làm sản phẩm gốm chum, lu đựng nước, nồi nấu cơm, ấm đun nước, bát đĩa, bình tích, chén...; khu lò gốm của người Hoa làm vò, hũ, bình, lọ, tô, đĩa, chén, siêu...; khu lò gốm của người Chăm (gọi là lò gốm Ruk) làm ghè, lu, tráp, tráp, om...⁸

Từ đầu thế kỷ XX, cư dân Cù lao Phố tăng nhiều, nghề gốm có điều kiện phát triển. Nửa đầu thập niên 30 (thế kỷ XX), ở Cù lao Phố có bốn lò gạch của người Việt: ông Ba Hiệp, ông Hai Bửu, ông Nguyễn Văn Kiếng và ông Sương (người Hoa). Những lò gạch này ngưng hoạt động vào năm 1945 (khi Pháp mở rộng chiến tranh xâm lược lần thứ 2 ở Nam Bộ). Nhiều người dân ở Cù lao Phố là thợ cho các lò gốm ở địa phương và các lò gốm vùng lân cận.

³ Trịnh Hoài Đức (2005), *Gia Định thành thông chí* (Lý Việt Dũng dịch và chú thích, Huỳnh Văn Tới hiệu đính), Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, tr.238.

⁴ Huỳnh Ngọc Trảng (chủ biên, 1998), *Cù lao Phố - lịch sử và văn hóa*, Nxb. Đồng Nai, tr.117.

⁵ Trần Anh Dũng, Hà Văn Cẩn (2002), *"Bến Miếng Sành (Đồng Nai) - một địa điểm sản xuất gốm quan trọng" trong Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2000*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.755-758.

⁶ Lưu Văn Du, Nguyễn Đăng Hiệp Phố (1999), *"Di chỉ Rạch Lò Gốm (Đồng Nai)" trong Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1988*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr 376-379.

⁷ Nguyễn Thị Nguyệt (2010), *Văn hóa - văn vật Đồng Nai*, Nxb. Đồng Nai, tr.205.

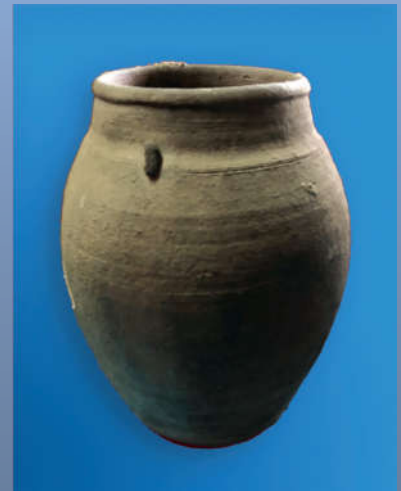
⁸ Nhiều tác giả (2001), *Địa chí Đồng Nai, tập IV: Kinh tế*, Nhà xuất bản Đồng Nai, tr.144-145.



Cầu Lò Gốm.



Rạch Lò Gốm.



Bình gốm phát hiện tại rạch Lò Gốm.



Bến Miểng Sành.

3. Làng gốm Tân Vạn, thành phố Biên Hòa

Tân Vạn vốn là làng cổ bên hữu sông Đồng Nai, được Trịnh Hoài Đức đề cập trong *Gia Định thành thông chí* cùng với 38 thôn, làng, xã thuộc tổng Chánh Mỹ, huyện Phước Chánh, trấn Biên Hòa. Tân Vạn được thành lập trên cơ sở của thôn Tân Vạn, Đắc Phước trước đó. Trước năm 1975, xã Tân Vạn thuộc quận Châu Thành, sau thuộc quận Đức Tu. Năm 1984, Tân Vạn từ xã thành lập phường, thuộc thành phố Biên Hòa cho đến nay.



Lò gốm Phong Sơn nhìn từ trên cao.

Cư dân sinh sống ở vùng Tân Vạn khá lâu đời, hoạt động kinh tế từ nghề nông, nghề đánh bắt cá và làm gạch, gốm. Các làng ven sông Đồng Nai từ Tân Vạn, Tân Bán, Bửu Hòa, Hóa An có nhiều hộ gia đình phát triển nghề gạch, gốm khá sớm từ thế kỷ XVII. Nghề làm gạch do người Việt, người Hoa mở lò phục vụ cho nhu cầu xây dựng nhà ở. Sản phẩm gạch của người Việt gồm gạch đinh, gạch ống, gạch vuông, ngói mũi, ngói bản, ngói liệt... , gạch của người Hoa có gạch chỉ, gạch tàu, ngói âm dương... Thế kỷ XVIII, khi Cù lao Phố bị chiến tranh, một số thợ làm gốm từ Cù lao Phố chuyển qua khu vực Tân Vạn, Hóa An, Bửu Hòa cư trú, duy trì nghề. Khi gọi là làng gốm Tân Vạn cũng có thể hiểu với nội hàm cả khu vực bên hữu sông Đồng Nai, bao gồm cả vùng Bửu Hòa, Hóa An giáp sông, đối diện Cù lao Phố và đô thị Biên Hòa.

Lược sử hình thành các lò gốm ở Tân Vạn có thể khái quát: Trước đây có người Hoa gốc Triều Châu mở lò làm lu trước nhưng sau đó không duy trì. Năm 1878, ông Trương Tú Nhơn (người Hẹ/Hakka) cùng với 2 người đồng hương mua lại lò lu này, đặt tên là Tứ Hiệp Thái (có tài liệu gọi là Tứ Hiệp Phát). Năm 1890, ông Trương Tú Nhơn mở thêm lò Quảng Hưng Long. Năm 1907, hai người Hoa gốc Triều Châu xây dựng thêm lò Cây Khế/Nam Thạnh, lò Lâm Trường Phong. Bốn lò này sản xuất mặt hàng lu đựng nước.

Vào thập niên 20 (thế kỷ XX), lò lu Trần Lâm (người Hoa, Phúc Kiến) được hình thành. Năm 1928, họ Lâm có 2 lò, sang lại 1 lò cho người phụ nữ Việt họ Lưu (tên thường gọi Năm Lê). Sau này, họ Lưu tiếp tục xây thêm 2 lò: lò Dâu Dưa/Quân Cơ, lò Ba Đợt. Ông Hà Đình Phương (cháu ngoại ông Trương Tú Nhơn) mở lò Quảng Thuận Long/Ba Kèm. Năm 1945, khi quân Pháp đánh Biên Hòa, đã phá lò gốm cũ của họ Trương xây dựng năm 1878 làm bót lính⁹. Những người con của ông Trương Tú Nhơn nối nghiệp cha, duy



Tường ngoài lò nung.



Cửa vào lò nung.

trì và phát triển nghề. Năm 1940, lò Tứ Hiệp Thái do ông Trương Nam Lai làm chủ, đổi tên Quảng Phát Long. Sau này, cả hai lò Quảng Hưng Long, Tứ Hiệp Thái do ông Trương Khôn Sơn làm chủ[8, tr.41]¹⁰. Sản phẩm lu, hũ của các lò ở Tân Vạn không chỉ đáp ứng nhu cầu của người dân địa phương mà còn ở các được các địa phương của Nam Bộ tìm đến mua rất nhiều bởi nhu cầu cao trong dự trữ nước ở Tây Nam Bộ và sử dụng trong chế biến nước mắm (Phan Thiết, Phú Quốc).

Những năm đầu thập niên 50, thời điểm có tính dấu ấn đối với làng gốm Tân Vạn là sự xuất hiện của những xưởng chế tác gốm từ mô hình Hợp tác xã Mỹ nghệ thủ công của Trường Mỹ nghệ thực hành Biên Hòa. Từ Hợp tác xã Mỹ nghệ thủ công thợ gốm và đúc đồng Biên Hòa của trường thành lập năm 1923, Hợp tác xã tách ra thành đơn vị độc lập, hoạt động với những cơ sở ở địa bàn Tân Vạn. Một số thợ gốm trong hợp tác xã có nhà tại Tân Vạn cùng với người dân địa phương hình thành các "xưởng" nhỏ tại nhà, thực hiện làm gốm theo quy trình của Hợp tác xã Mỹ nghệ thủ công. Những sản phẩm làm ra được đem nung trong các "bao hộp bằng đất" tại các lò lu địa phương. Sáng kiến dùng lu thay cho "bao hộp bằng đất" góp phần làm giảm giá thành sản phẩm gốm, tạo thuận lợi cho gốm mỹ nghệ phát triển. Năm 1953, ông Huỳnh Văn Sửu thành lập lò Nghĩa Thành. Một lò do người khác xây dựng từ năm 1954 - 1955 và sau đó chuyển nhượng cho bà Năm Lũng.

⁹ Lương Văn Hy, Diệp Đình Hoa (1990), "*Ngành tiểu thủ công nghiệp gốm tại Tân Vạn (Biên Hòa) trước năm 1975*", Tc.Dân tộc học, số 1, tr.41-42.

¹⁰ Phan Đình Dũng, Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Yên Tri (2005), *Gốm Biên Hòa*, Nxb. Đồng Nai, tr.42.

Năm 1961, ông Trần Văn Vạn xây lò nung riêng cho sản phẩm gốm mỹ nghệ của hợp tác xã. Sau thời gian học tại Nhật Bản về, ông Lê Bá Đáng, Đỗ Bá Nam hợp tác thành lập sản xuất gốm Đana (viết tắt, không dấu chữ đầu tên của 2 ông Đáng, Nam) tại khu vực Bửu Hòa vào năm 1963. Sản phẩm thực hiện tạo hình theo kỹ thuật rót khuôn, tại Bửu Hòa và những cải tiến về mẫu mã, màu men. Sau này, ông Đỗ Bá Nam tách ra thành lập công ty gốm Dona (viết tắt không dấu họ, tên). Năm 1970, ông Nguyễn Văn Trâm (chủ tịch Hợp tác xã Mỹ nghệ Biên Hòa) xin nghỉ, mở lò gốm Hữu Đức tại Hóa An. Từ thập niên 70, Hợp tác xã Mỹ nghệ Biên Hòa bắt đầu tan rã, sau đó bán hết khuôn mẫu cho công ty gốm Đonaco (công ty do ông Đỗ Bá Nam và một số người khác thành lập tại Tam Hiệp vào năm 1974)¹¹. Năm 1971 có thêm lò Tiên Phong, lò Ba Thợ và năm 1974 có thêm lò Hồng Đức. Tuy nhiên, trong giai đoạn này lò Cây Khế ngừng hoạt động. Sản phẩm gốm của làng Tân Vạn ngày càng đa dạng bởi nghệ nhân của Trường Dạy nghề với những cải tiến trong quy trình sản xuất, nguyên liệu, thiết kế, kỹ thuật pha chế men gốm và các loại sản phẩm từ gia dụng đến nghệ thuật, đồ thờ trong tín ngưỡng.

Sản phẩm gốm đất đen của Tân Vạn một thời đáp ứng nhu cầu sử dụng lớn đối với người dân trong và ngoài địa phương, đặc biệt với những loại lu, vại, khạp cho khu vực miền Tây Nam Bộ. Nguyên liệu sản xuất chủ yếu là đất sỏi pha cát, nung ở nhiệt độ cao tạo cho xương dày, chắc, cứng. Quá trình làm sản phẩm mang tính thủ công cổ truyền, kỹ thuật chế tác chủ yếu bằng phương



Lòng lò nung.



Tường trong và mắt lò nung.

¹¹ Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Minh Anh (2024), "Gốm Biên Hòa - hình thành và phát triển" trong Kỷ yếu Trường Bá nghệ Biên Hòa – Trường Cao đẳng Mỹ thuật trang trí Đồng Nai (1903 - 2023), Nxb. Đồng Nai, tr.91-92.



pháp dải cuộn. Sau khi nhồi đất sét cho dẻo, người thợ bắt đầu nắn lu. Một chiếc lu lớn qua nhiều công đoạn. Đầu tiên đặt một tấm ván vuông nhỏ lên bục cao khoảng 30 – 40cm, rắc một ít cát để đất không dính vào ván. Sau đó lấy đất sét dẻo nhào với cát vàng hột lớn trải mỏng thành hình tròn của đáy lu, nắn cho phẳng và chặt. Kế đó, lấy con đất đã se tròn, dài như con trạch, một đầu đặt vuông góc với đáy, phần còn lại đặt lên cánh tay phải đỡ lấy và lên dần theo cách dải cuộn. Nghĩa là miết đất sát với đáy lu đi theo vòng tròn chung quanh bục ván gỗ cho đến khi giáp mạch từng phần. Sau đó, dùng hai tay nắn dính và lên thân lu dần dần, mỗi đoạn cao khoảng 15cm, đợi cho đất đủ ráo người thợ lên tiếp cho tới viền miệng. Công đoạn làm lu theo từng phần, mỗi lần nắn xong đợi qua một ngày cho ráo đất để hôm sau lên tiếp. Từ đáy lên 1/3 lu, từ 1/3 lên 2/3 sau đó vỗ mịn, từ 2/3 lên tới miệng, làm miệng vỗ lảng rồi đem phơi. Mỗi lu phải làm mất hai ngày nhưng được người thợ làm đồng thời khoảng 20 cái một lượt. Sau khâu tạo dáng, người thợ dùng các dụng cụ chuốt phẳng hai mặt trong và ngoài thân lu cho mất các vết nổi. Dùng các bàn vỗ, bàn đập, bàn xoa (người Hoa gọi là khẩu bành, khẩu tài, sắc sùi và sặc bành) đập nén cho chặt và mịn xương gốm... Gốm lu không chấm men mà được xoi một loại hỗn hợp nước tro và bùn (công thức 7 bùn + 4 tro + nước đủ độ lỏng), từ miệng lu xuống nửa thân lu, chảy xuôi xuống đáy. Khi nung chín, lu có lớp men màu nâu đen giữ cho lu bền và không thấm nước.¹²



Một số mẫu khuôn.



Mẫu khuôn.

¹² Nguyễn Thị Nguyệt (2010), *Văn hóa, văn vật Đồng Nai*, Nxb Đồng Nai, tr.189-190.

Sau năm 1975, thực hiện chính sách quản lý và phát triển kinh tế quốc doanh, một số xí nghiệp, xưởng gốm chuyển đổi cơ chế hoạt động quản lý. Xí nghiệp gốm Dona của ông Đỗ Bá Nam là ví dụ điển hình chuyển hình thức hoạt động theo tính chất công tư hợp doanh (1976 - tháng 9/1982) và quốc doanh (từ 1982 trở đi) với tên gọi Công ty quốc doanh gốm số 2. Công ty có các phân xưởng: số 1 đặt tại Cầu Mới, số 2 tại Bửu Hòa, số 3 và 4 tại Tân Vạn. Nghề gốm và hộ gia đình làm nghề gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn đất nước lâm vào khủng hoảng trước năm 1986. Khi Việt Nam thực hiện chính sách đổi mới, khuyến khích kinh tế tư nhân, phát triển tiểu thủ công nghiệp, hàng xuất khẩu, làng gốm Tân Vạn có những bước chuyển biến tích cực. Nhiều công ty, xí nghiệp, tổ hợp ở làng gốm Tân Vạn thu hút nhiều lao động, tăng sản lượng sản phẩm, mở ra những cơ hội việc làm cho người làm nghề, góp phần trong kinh tế của địa phương. Nhiều hộ làm gốm của làng nghề đầu tư, đẩy mạnh phát triển nghề. Bên cạnh đó, các công ty quốc doanh và hợp tác xã sản xuất gốm đã đầu tư vốn tập trung đẩy mạnh sản xuất theo hướng công nghiệp với trang thiết bị hiện đại, quản lý và vận hành, sản xuất theo hướng chuyên nghiệp đưa nghề gốm phát triển theo xu thế mới, theo quy định của pháp luật với hình thức công ty. Hiện nay, trên địa bàn Tân Vạn, Bửu Hòa, Hóa An có những công ty, hợp tác xã, hộ gia đình duy trì nghề gốm. Trong Cụm gốm sứ Tân Hạnh tỉnh Đồng Nai quy hoạch cho sản xuất gốm, có các cơ sở làm gốm (công ty, doanh nghiệp tư nhân): Việt Thành, Hoàng Mỹ, Kim Long, Trí Tâm Đức, Tân Thiên Phú, Song Tiến, Minh Đức, Thành Châu, Trung Dũng I, Thái Vinh, Thành Công, Năm Hạnh, Hồng Long, Tân Vạn Phát, Thiên Đức, Hồng Hà, Tâm Phương, Gốm Việt, Hoàn Thành, Kim Lan, Mai Phương, Chấn Thịnh, Phong Sơn, Phát Thành, Hồng Đức, Đồng Thành, Trường Thành, Phạm & Nguyễn, Ngô Nguyễn, Nhân Tài, Hồng Hưng II.¹³ Trong số này, có một số cơ sở từ làng gốm Tân Vạn, Bửu Hòa, Hóa An trước đó chuyển vào theo quy hoạch, tiếp tục hoạt động.

Làng gốm Tân Vạn hình thành khá sớm và có những giai đoạn chuyển mình phát triển mạnh. Trong hai thế kỷ XVII, XVIII, các lò gốm chuyên làm các mặt hàng gốm gia dụng để phục vụ khu vực miền Nam. Đỉnh cao của nghề gốm bắt đầu từ đầu thế kỷ XX với sự ra đời của Trường Mỹ nghệ Biên Hòa. Từ đó tạo nên bước ngoặt cho gốm Biên Hòa, Đồng Nai nổi tiếng trong nước và quốc tế. Trước đây, nghề làm gốm ở Tân Vạn thủ công vẫn duy trì theo hình thức truyền nghề “cha truyền con nối”, hoạt động chủ yếu theo

¹³ Trần Minh Công (2024), *Thực trạng người làm nghề gốm, người học nghề và vai trò đào tạo nghề gốm của Trường cao đẳng Mỹ thuật trang trí Đồng Nai hiện nay, Kỳ yếu hội thảo Bảo tồn và phát triển gốm truyền thống Biên Hòa – Đồng Nai, Trường Cao đẳng Mỹ thuật trang trí Đồng Nai*, tr.115.



gia đình, dòng họ. Thời kỳ mở cửa và chuyển qua nền kinh tế thị trường, nhiều cơ sở sản xuất gốm đầu tư phát triển cơ sở, thành lập tổ hợp, hợp tác xã, công ty, thu hút nhân công, đầu tư kỹ thuật hiện đại sản xuất nhiều mặt hàng đa dạng đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. Làng gốm Tân Vạn nói riêng cũng như những địa điểm sản xuất gốm ở Biên Hòa – Đồng Nai đã làm nên bức tranh sinh động về nghề thủ công và làng nghề thủ công ở Nam Bộ của Việt Nam. Quá trình hình thành và phát triển của làng gốm Tân Vạn đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm do nhiều yếu tố xã hội tác động. Thế nhưng, làng nghề vẫn duy trì cho đến hôm nay, đã có những đóng góp quan trọng cho đời sống cư dân tại chỗ cũng như về kinh tế - xã hội của Biên Hòa – Đồng Nai.



Mẫu khuôn.



Sản phẩm.



Mẫu lộng.



Mẫu lộng.



Mẫu trôn.



Thợ gốm.



Thợ gốm.



Thợ gốm.



Một góc lò gốm.



4. Làng gốm Bửu Long (thành phố Biên Hòa)

Xóm Lò Nồi là tên gọi quen thuộc của người dân địa phương nói về khu vực làm gốm ở phường Bửu Long. Người dân vừa làm nông vừa làm nghề gốm, chuyên sản xuất các vật dụng phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt. Nghề làm gốm của những hộ dân tại đây bắt đầu từ thập niên 40 (thế kỷ XX) khi những người dân từ Phổ Khánh (huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi) vào lập nghiệp. Những hộ gia đình làm gốm tại đây là thế hệ thứ 5. Trước đây, xóm Lò Nồi có khoảng 20 lò nung. Sản phẩm gốm tại đây làm theo lối thủ công, gồm các đồ gia dụng: Bếp lò, nồi, om, niêu, trách trã, ơ, cối tráng bánh, khuôn bánh... Nguyên liệu được khai thác từ loại đất sét vàng, có độ dính cao. Để có nguyên liệu sạch, đất sét được phơi khô, đập nhỏ, sàng tạp chất lấy bột mịn làm hồ, phần hạt to sử dụng ngâm để làm nước hồ. Cách thức làm thủ công, đất được làm thành dải cuộn trước khi tạo dáng bằng bàn xoay. Điểm đặc biệt là tạo dáng phần đáy của sản phẩm trước sau đó vẽ, vuốt tạo dáng từ dưới lên miệng. Sản phẩm làm ra phơi nắng rồi mới đem nung. Nguyên liệu là đất sét núi nhẹ lửa nên sau khi nung sẽ có độ chín và màu đỏ.

Lò nung làm bằng đất sét, kết cấu hình trụ đứng, gồm 2 tầng: phần đốt ở dưới và để gốm nung phía trên. Mặt bằng đáy là nền đất cứng hoặc có thể gia cố bằng gạch, đá, cọc gỗ phía ngoài. Phần đốt củi rộng, ở giữa có trụ đất đặc, phía ngoài nối với tầng trên có bờ bao tròn. Có 4 cửa lò ở 4 bên, thông vào trụ đất chính giữa. Phần trên hình trụ tròn, rộng và bề mặt trong nhẵn. Bên ngoài là tường bao lò bằng đất sét trộn rơm. Khi đặt sản phẩm vào nung, lớp dưới là những sản phẩm hỏng trước đó để tạo sự thông thoáng hơi nóng tỏa lên. Đồ nung được đặt vào phần lò trên nhưng chưa 1/3 khoảng trống. Khi nung, 4 cửa lò được đốt cùng thời gian và khoảng 30 phút sau, để thêm sản phẩm vào khoảng trống phía trên. Sau đó, lấy than vừa đốt ủ lên phía trên đồ vừa mới đặt thêm vào từ miệng lò. Các cửa lò được thêm củi và đốt tạo nhiệt nung tiếp. Nhiệt độ lò nung luôn giữ khoảng 8000C, thời gian nung và ủ lò sau hạ lửa khoảng 48 giờ, lấy sản phẩm. Sản phẩm sau khi nung có màu đỏ (đỏ, đỏ gạch, đỏ hồng). Trước đây, sản phẩm làng nghề tiêu thụ nhiều, mở rộng tới các vùng lân cận do nhu cầu sử dụng cao. Sau này, các loại vật dụng tương đồng nhưng bằng nguyên liệu khác xuất hiện (nhựa, nhôm, thép...), giá thành rẻ hơn, nhiều mẫu mã, tiện lợi nên sản phẩm làng nghề không còn tiêu thụ nhiều. Các hộ dân làm nghề đã chuyển sang hoạt động kinh tế khác.

Một giai đoạn phát triển của làng gốm Bửu Long khi sản phẩm làm ra được tiêu thụ nhiều và có những cải tiến mẫu mã để phù hợp với thị hiếu và sử dụng của người dân miền Nam. Trong kịch bản phim tư liệu Gốm Biên Hòa do Nhà Bảo tàng Đồng Nai thực hiện năm 1998 cho biết: Những hộ làm nghề gốm Bửu Long buộc phải cải đổi mẫu mã theo kiểu gốm Xoài Tón (An Giang): cái niêu đất không có quai, cái trã, cái ơ phải có đường gờ quanh miệng để đẩy vung cho khít, kín hơi, và rồi họ làm cà ràng – bếp lò theo kiểu

Khmer, sản xuất ông lò thay ông Táo để chụm than củi theo kiểu cách nấu nướng của kẻ chợ, của người Hoa, lại làm khuôn bánh khọt cho xứ sở đúc bánh xèo bằng chảo chứ không dùng khuôn đất như “ở ngoài” (Quảng Ngãi). Chỉ mới 50 năm thôi mà khuôn mẫu của xứ Quảng đã đổi thay tưởng chừng mười phần may ra chỉ một, hai là còn giữ được chút hơi hướm của cội nguồn. Giai đoạn phát triển mạnh của làng gốm vào thời kỳ đất nước phát triển tiểu thủ công nghiệp và sau này mở cửa, nguồn tiêu thụ trong nước nhiều và có nguồn khách nước ngoài đặt hàng. Sản phẩm gốm của làng nghề Bửu Long được đưa đi tiêu thụ bằng nhiều phương cách: được gánh đi bán ở các chợ trong vùng, chở bằng ghe, bằng xe tải đi bán tứ xứ khắp cả miền Đông, miền Tây, khắp các chợ làng đến các ngôi chợ lớn ở các thành thị. Các lò nồi ở bến đò Trạm Bửu Long sản xuất đáp ứng được 40% số cầu của người dân ở Nam Bộ, 60% còn lại là đồ gốm Xoài Tón (Tri Tôn, An Giang)¹⁴. Làng gốm Bửu Long được miêu thuật: Xóm Lò Nồi nằm ngay trong lòng thành phố Biên Hoà có lịch sử hàng trăm năm nay... Khi nghề làm nồi đất thịnh trở lại, thì cũng là lúc các nhà máy, xí nghiệp mọc lên như nấm sau mưa, trai tráng xin đi làm công nhân, không ai chịu theo cái nghề lấm lem bùn đất này. Cái nồi đất nhỏ bé giá vài ngàn, mà ở các nhà hàng thành phố khi ăn cơm, người ta thản nhiên đập cái bóp cho vui tai, người thợ nồi phải tốn khá nhiều công sức để tạo ra nó. Đất sét phơi khô giã nhỏ, rây mịn ra, sau đó phải nhồi nặn như nhồi bột bánh mì, đây là công đoạn khó, nếu không có kinh nghiệm thì đất không dẻo, nồi làm ra khi phơi nắng sẽ bị nứt. Làm nồi là một nghề thủ công thuần túy, tất cả các công đoạn phải nhờ vào đôi bàn tay khéo léo của người thợ. Sản phẩm phải phơi thật khô mới cho vào lò. Nồi đất Bửu Long (ngoài loại đồ tươi) còn có loại hoa mè mà ít nơi khác có. Kỹ thuật nung nồi hoa mè, hiện nay còn có vài người làm được, loại này rất được khách nước ngoài ưa thích. Mùa khô năm ngoái (2001) xóm Lò Nồi sống lại không khí sôi nổi của một thế kỉ trước, người xe nườm nượp. Đó là khi mà một số doanh nhân người Hàn Quốc đến đặt hàng vạn món hàng bằng đất nung. Những mẫu mã họ đưa ra chưa hề có ở Việt Nam, nhiều mặt hàng khá cầu kì như bình rượu cổ, li cổ của người Hàn. Xóm Lò Nồi họp lại và giao cho bà Năm Thừa làm thử. Bà già gần bảy mươi tuổi mà bàn tay khá điêu nghệ, cục đất vào tay bà sau vài phút là thành nồi, thành chảo, thành khuôn bánh... Sau mẻ đầu tiên ra đời, khách hàng cực kì hài lòng và họ đặt hàng số lượng lớn, tất nhiên ngoài sản phẩm theo ý họ, họ còn mua niêu đất hoa mè của xóm. Lần đầu tiên xóm Lò Nồi mướn người ngoài vào làm phụ. Trước lúc giải nghệ để truyền nghề cho con trai trưởng, bà Năm Thừa có thể tự hào rằng sản phẩm của xóm Lò Nồi lần đầu được xuất ngoại. Tuy nhiên theo ông Tám thì hơn trăm năm trước, các “chú khách” đã mua nồi đất ở đây chở về bán tại quê hương của họ bên Tàu. (tr. 44-47)¹⁵. (Ảnh minh họa xóm Lò Nồi của Trường Trí).

¹⁴ Phan Đình Dũng, Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Yên Tri (2005), *Gốm Biên Hòa*, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, tr.50.

¹⁵ Nguyễn Một (2002), *Quà của đất*, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, tr.44-47.



Bà Trần Thị Liên với truyền thống
làm gốm nhiều đời tại Bửu Long.



Ông Trần Văn Tánh với nghề gốm lâu đời ở Bửu Long.



Bà Trần Thị Mười, thợ gốm Bửu Long.



Bà Nguyễn Thị Lan và sản phẩm gốm gia dụng.



Lò nung gốm ở Bửu Long .



Sản phẩm niêu của lò gốm Bửu Long.



Bếp lò - gốm Bửu Long.



Làng đất nung Bửu Long.



